

LUẬT ĐẦU THẦU

SỐ 43/2013/QH13 Ngày 26/11/2013

TRUNG TÂM HỖ TRỢ ĐẦU THẦU



CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG



PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

Đ.1 - L61 + NĐ85

Dự án ĐTPT sử dụng
vốn NN $\geq 30\%$

MS thường xuyên

Các DA mua
sắm TS khác

LCNT
cung cấp
DVTV,
HH, XL

Đ.1 – Luật 43

a) Dự án ĐTPT của CQNN

b) Dự án ĐTPT của DNNN

c) Ngoài a và b, vốn
NN, DNNN $\geq 30\%$
hoặc $< 30\%$ nhưng
 > 500 tỷ đồng

MS thường xuyên

SP, DV công

Hàng dự trữ QG

Thuốc, vật tư y tế

1. LCNT
cung cấp
DVTV,
DVPTV,
HH, XL

Bổ sung thêm DV phi TV

PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

L38 + L61 +NĐ85

Đ.1 – Luật 43

Không có
hướng dẫn

2. LCNT cung cấp DVTV, DVPTV, HH, ở VN đầu tư ra nước ngoài của DN Nhà nước $\geq 30\%$ hoặc $< 30\%$ nhưng > 500 tỷ đồng.

3. LCNĐT thực hiện DA đầu tư theo hình thức PPP, DA đầu tư có sử dụng đất.

4. LCNT đối với các dự án đầu tư phát triển trong lĩnh vực dầu khí, trừ LCNT cung cấp DV dầu khí liên quan trực tiếp đến hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu khí theo quy định của pháp luật về dầu khí.

ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Đ. 2 - Luật 61



Đ.2 - LUẬT 43


Tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi điều chỉnh.


Tổ chức, cá nhân chọn áp dụng quy định của Luật này.




Áp dụng Luật ĐT, điều ước QT, thỏa thuận QT


Đ. 3 - Luật 61


 Thuộc phạm vi phải tuân thủ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.


 Trường hợp đặc thù về ĐT có quy định ở luật khác thì áp dụng theo luật đó.

 ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định của điều ước và thỏa thuận QT đó.

Đ. 3 - LUẬT 43

 Thuộc phạm vi phải tuân thủ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

 Trừ LCNT cung cấp nguyên liệu... bảo đảm tính liên tục, PPP. Doanh nghiệp phải ban hành quy định về LCNT.

 ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định của điều ước và thỏa thuận QT đó.

 Điều ước QT có quy định khác thì theo Điều ước QT đó.

TƯ CÁCH HỢP LỆ CỦA NHÀ THẦU, NHÀ ĐẦU TƯ

Đ.7 – Luật 61

Đ.5 – Luật 43

Tổ chức

- a) Có đăng ký thành lập
- b) Hạch toán độc lập;
- c) Không đang bị giải thể...;

Tổ chức

- a) Có đăng ký thành lập
- b) Hạch toán độc lập;
- c) Không đang bị giải thể;
- d) Đã đăng ký trên mạng DTQG;
- đ) Bảo đảm cạnh tranh;
- e) Không đang trong thời gian bị cấm;
- g) Có tên trong danh sách ngắn (ĐTRR sơ tuyển, ĐTHC);
- h) NT nước ngoài phải liên danh hoặc thầu phụ trong nước.

TƯ CÁCH HỢP LỆ CỦA NHÀ THẦU, NHÀ ĐẦU TƯ (Đ.5)

Đ.8 – Luật 61

Cá nhân

- a) Có năng lực hành vi dân sự;
- b) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp;
- c) Đăng ký hoạt động;
- d) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự

Đ.5 – Luật 43

Cá nhân

- a) Có năng lực hành vi dân sự;
- b) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp;
- c) Đăng ký hoạt động;
- d) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự
- đ) Không đang trong thời gian bị cấm

BẢO ĐẢM CẠNH TRANH TRONG ĐẦU THẦU

Đ.11 - Luật 61
Đ.3 - ND85

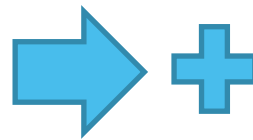
Đ.6 – Luật 43
+ND

Các bên sau đây phải độc lập về pháp lý và tài chính:

Nhà thầu nộp
HSQT, HSDST

Nhà thầu tham
dự thầu

Nhà thầu TVGS



Nhà đầu tư
tham dự thầu

BẢO ĐẢM CẠNH TRANH TRONG ĐẦU THẦU (tiếp)

Đ 11. Luật 61+ NĐ85

Các nhà thầu không có cổ phần trên 30% của nhau

CĐT và nhà thầu không có cổ phần trên 50% của nhau

Đ 6. Luật 43+ NĐ mới

Nhà thầu không được tham dự thầu gói thầu hỗn hợp do mình đã thực hiện lập báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công cho gói thầu đó

ĐỘC LẬP VỀ PHÁP LÝ VÀ TÀI CHÍNH

Không cùng 1 cơ quan, tổ chức quản lý

Nhà thầu và CĐT/BMT không có cổ phần trên 30% của nhau

Các nhà thầu không có cổ phần trên 20% của nhau

Nhà thầu với Tư vấn cho gói thầu đó không có cổ phần hoặc vốn góp của nhau, không cùng có cổ phần hoặc vốn góp với một tổ chức, cá nhân khác $\geq 20\%$

Điều kiện phát hành HSMT, HSYC

Đ.25 – Luật 61

1. Gói thầu (LCNT)

- a) Kế hoạch đấu thầu;
- b) HSMT
- c) Thông báo, DS ngắn được đăng tải;

Đ.7 – Luật 43

1. Gói thầu (LCNT)

- a) Kế hoạch LCNT;
- b) HSMT, HSYC;
- c) Thông báo, DS ngắn được đăng tải;
- d) Nguồn vốn được thu xếp;
- đ) Nội dung, danh mục HH, DV và DT (MS tập trung, MSTX);
- e) **Mặt bằng.**

2. Dự án (LCNĐT)

- a) Danh mục DA;
- b) Kế hoạch LCNĐT;
- c) HSMT, HSYC;
- d) Thông báo hoặc DS ngắn được đăng tải.

THÔNG TIN VỀ ĐẦU THẦU

Đ.5 – Luật 61



Đ.8 – Luật 43

1. Đăng tải trên hệ thống mạng DTQG, Báo đấu thầu bao gồm:

- a) Kế hoạch;
- b) **Mời quan tâm**, mời sơ tuyển;
- c) **Mời chào hàng**, mời thầu;
- d) DS ngắn;
- đ) Kết quả LCNT, **NĐT**;
- e) **KQ mở thầu (đấu thầu qua mạng)**;
- g) Xử lý vi phạm;
- h) VB quy phạm PL;
- i) **Danh mục DA**;
- k) **Cơ sở dữ liệu**;
- l) **Thông tin hợp lệ theo quy định về lựa chọn nhà thầu qua mạng**
- l) Thông tin khác có liên quan.

**HỆ THỐNG MẠNG ĐẦU THẦU
QUỐC GIA**
<http://muasamcong.mpi.gov.vn>

2. Khuyến khích đăng tải trên các phương tiện khác.

NGÔN NGỮ SỬ DỤNG TRONG ĐẦU THẦU (Đ.9)

Đ.16 – Luật 61

Đ.9 – Luật 43

Đầu thầu trong nước

• TIẾNG VIỆT

Đầu thầu
quốc tế

Tiếng Việt,
tiếng Anh

Đầu thầu
quốc tế

Tiếng Anh

Hoặc tiếng Việt
và tiếng Anh

ĐỒNG TIỀN DỰ THẦU

Đ.15 – Luật 61

Đ.10 – Luật 43

Đấu thầu
trong nước

• Đồng Việt Nam

Quy định chung

Một khối lượng = 01 đồng tiền

Quy đổi về cùng một đồng tiền

Trong nước = đồng Việt Nam

Đấu thầu quốc tế

≤ 03 đồng tiền;

Một hạng mục = 01 đồng tiền

02 hoặc 03 đồng tiền thì phải quy đổi

Trong nước = đồng Việt Nam

Ngoài nước = đồng tiền nước ngoài



BẢO ĐẢM DỰ THẦU

**Đ27 - Luật 61
Đ32 - NĐ85**

1. Trường hợp áp dụng:
ĐTRR, ĐTHC, CHCT (HH, XL, EPC);
2. Thời điểm nộp
3. Giá trị: **3%** giá gói thầu
4. Hiệu lực =+ 30 ngày
5. Gia hạn
6. Hoàn trả: **≤ 30 ngày**

Đ.11 - LUẬT 43

1. Trường hợp áp dụng:
 - a) ĐTRR, ĐTHC, CHCT (DVPTV, HH, XL, H²);
 - b) Lựa chọn NĐT
2. Thời điểm
3. Giá trị:
 - a) NT: từ 1% đến 3% giá gói thầu;
 - b) NĐT: từ 0,5% đến 1,5% TMĐT
4. Hiệu lực =+ 30 ngày
5. Gia hạn
6. Liên danh
7. Hoàn trả: **≤ 20 ngày**

CHI PHÍ TRONG ĐẦU THẦU

Đ.17 – Luật 61

Đ.13 - LUẬT 43

1. LCNT

1. LCNT

2. LCNĐT

ĐTQM

ƯU ĐÃI TRONG LCNT

Đ.14 – Luật 61

1. NT trong nước

- Hoạt động theo Luật DN, Luật Đầu tư

2. NT liên danh

- NT trong nước Đảm nhận $\geq 50\%$

3. Gói thầu Hàng hóa

- Chi phí trong nước $\geq 30\%$.

Đ.14 – Luật 43

1. Hàng hóa

- CP trong nước $\geq 25\%$.

2. ĐT quốc tế

- Độc lập hoặc LD
- Đảm nhận $\geq 25\%$

3. ĐT trong nước

- Đảm nhận $\geq 25\%$
- $\geq 25\%$ LD thương binh, khuyết tật;
- DN nhỏ

4. Một trong 2 cách

- Cộng vào điểm đánh giá
- Cộng vào giá dự thầu hoặc vào GĐG

ĐẦU THẦU QUỐC TẾ

Đ.13 – Luật 61

Đ.15 – Luật 43

1. Điều kiện:

- a) Yêu cầu của nhà tài trợ;
- b) HH trong nước không sx hoặc không đáp ứng .
- c) NT trong nước không đáp ứng.



2. DA PPP, DA đầu tư có sử dụng đất, trừ trường hợp hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Ưu đãi trong đấu thầu quốc tế

❖ NĐ 85

Gói
thầu
Hàng
hóa

- Nhà thầu không thuộc đối tượng ưu đãi phải cộng thêm giá đánh giá giá trị $\leq 15\%$ giá hàng hóa

❖ NĐ mới

Gói
thầu
Hàng
hóa

- Chỉ được tính ưu đãi nếu HH có chi phí SX trong nước $\geq 25\%$
- Ưu đãi: 7,5% giá dự thầu sau sửa lỗi + HCSL hoặc điểm tổng hợp

ĐK đối với cá nhân tham gia hoạt động ĐT

Đ.14 – Luật 61

Đ.16 – Luật 43

Điều kiện chung

- Chứng chỉ đào tạo về ĐT
- Chuyên môn, NL, KN, ngoại ngữ ...
- Trừ cá nhân thuộc nhà thầu, nhà đầu tư



Lập, đánh giá

ĐT chuyên nghiệp, DN,
đơn vị hoạt động TVĐT,
BQLDA chuyên nghiệp

**Chứng chỉ hành nghề
đầu thầu**

HỦY THẦU

Đ.43 – Luật 61

Đ.17 – Luật 43

1. Tất cả HSDT, HSDX không đáp ứng.

2. Thay đổi mục tiêu, phạm vi

3. HSMT, HSYC không tuân thủ quy định

4. Đưa, nhận, môi giới hối lộ, thông thầu, gian lận, lợi dụng chức vụ, quyền hạn

Trách nhiệm khi hủy thầu (Đ.18)

- Đền bù chi phí và bị xử lý theo quy định

ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VỀ ĐẦU THẦU

Đ.5 – Nghị định 85

**Đ.19 – Luật 43
+NĐ mới**

1. Điều kiện

Được thành lập và hoạt động, **có tên trên hệ thống mạng đấu thầu QG**

Cơ sở vật chất, tài liệu giảng dạy

Giảng viên có chứng chỉ hành nghề ĐT, có HD giảng dạy với giảng viên về đấu thầu

2. Trách nhiệm

Bảo đảm về chất lượng; cung cấp thông tin cơ sở đào tạo

Chương trình khung và cấp chứng chỉ

Lưu trữ hồ sơ, **gửi kết quả và danh sách cấp chứng chỉ cho bộ KHĐT để đăng tải mạng ĐTQG**

Định kỳ hàng năm báo cáo hoặc theo yêu cầu

CHƯƠNG II

HÌNH THỨC, PHƯƠNG THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU, NHÀ ĐẦU TƯ VÀ TỔ CHỨC ĐẦU THẦU CHUYÊN NGHIỆP



ĐẦU THẦU RỘNG RÃI

Đ.18 – Luật 61



Đ.20 – Luật 43

Không hạn chế
số lượng

Gói thầu, DA, trừ trường
hợp quy định tại các
hình thức khác

ĐẦU THẦU HẠN CHẾ

Đ.19 – Luật 61

Đ.21 – Luật 43

1

- Yêu cầu của nhà tài trợ

2

- Gói thầu yêu cầu cao về KT hoặc KT có tính đặc thù; nghiên cứu, TN mà chỉ có một số NT đáp ứng.


1

- Gói thầu yêu cầu cao về KT hoặc KT có tính đặc thù mà chỉ có một số NT đáp ứng.

TỰ THỰC HIỆN

Đ.23 – Luật 61

Đ.25 – Luật 43



**Tổ chức trực tiếp quản
lý, sử dụng có NLKT,
TC và KN đáp ứng yêu
cầu của gói thầu**

CHỈ ĐỊNH THẦU

Đ.20 – Luật 61+ NĐ 85

LỰA CHỌN NHÀ THẦU

- Sự cố bất khả kháng, bí mật...
- Yêu cầu nhà tài trợ ...
- Chủ quyền QG...
- Tính tương thích, bản quyền...
- ~~Hạn mức...~~

Đ.22 – Luật 43+ NĐ

1. LỰA CHỌN NHÀ THẦU

- Sự cố bất khả kháng, bí mật...
- Chủ quyền QG...
- Tính tương thích, bản quyền...
- Quyền tác giả....
- Công trình hạ tầng, bom, mìn...
- ~~Hạn mức...~~

2. LỰA CHỌN NĐT

- Duy nhất
- Sở hữu trí tuệ, bí mật, công nghệ, thu xếp vốn
- Đề xuất DA hiệu quả cao nhất

CHỈ ĐỊNH THẦU

**Đ.20 – Luật 61+
NĐ.85**

Đ.22 – Luật 43 +NĐ

Hạn mức

- Gói DVTV ≤ 3 tỷ
- Gói MSHH ≤ 2 tỷ
- Gói xây lắp, lựa chọn tổng thầu ≤ 5 tỷ

- Gói DVTV, DVPTV, dịch vụ công ≤ 500 triệu
- Gói MSHH, xây lắp, hỗn hợp, mua thuốc, vật tư y tế, sản phẩm công ≤ 1 tỷ
- Gói thầu thuộc dự toán mua sắm thường xuyên ≤ 100 triệu

CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

Đ.22 – Luật 61

Đ.23 – Luật
43+NĐ mới

1. Điều kiện

a) Giá dưới hai tỷ

b) MSHH thông dụng, sẵn có

2. Thực hiện

a) Yêu cầu chào hàng

b) Gửi báo giá

c) Tối thiểu 3 báo giá

1. Theo hạn mức

a) DVPTV thông dụng, đơn giản; MSHH thông dụng, sẵn có ≤ 5 tỷ

b) DVPTV thông dụng, đơn giản ≤ 500 tr

c) MSHH thông dụng, sẵn có; Xây lắp đơn giản ≤ 1 tỷ

d) Mua sắm thường xuyên ≤ 200 tr

2. Điều kiện

a) KHLCNT được phê duyệt

b) Dự toán được phê duyệt

c) Đã được bố trí vốn.

Quy trình rút gọn

MUA SẴM TRỰC TIẾP

Đ.21 – Luật 61

1. Áp dụng

Thuộc cùng hoặc khác DA

2. Điều kiện

- ≤ 6 tháng
- Đấu thầu rộng rãi
- Đơn giá \leq đơn giá đã ký

Đ.24 – Luật 43

1. Áp dụng

Thuộc cùng hoặc khác DA, DT

2. Điều kiện

- ĐTRR hoặc ĐTHC
- Quy mô $\leq 130\%$
- Đơn giá \leq đơn giá đã ký
- Thời hạn ≤ 12 tháng

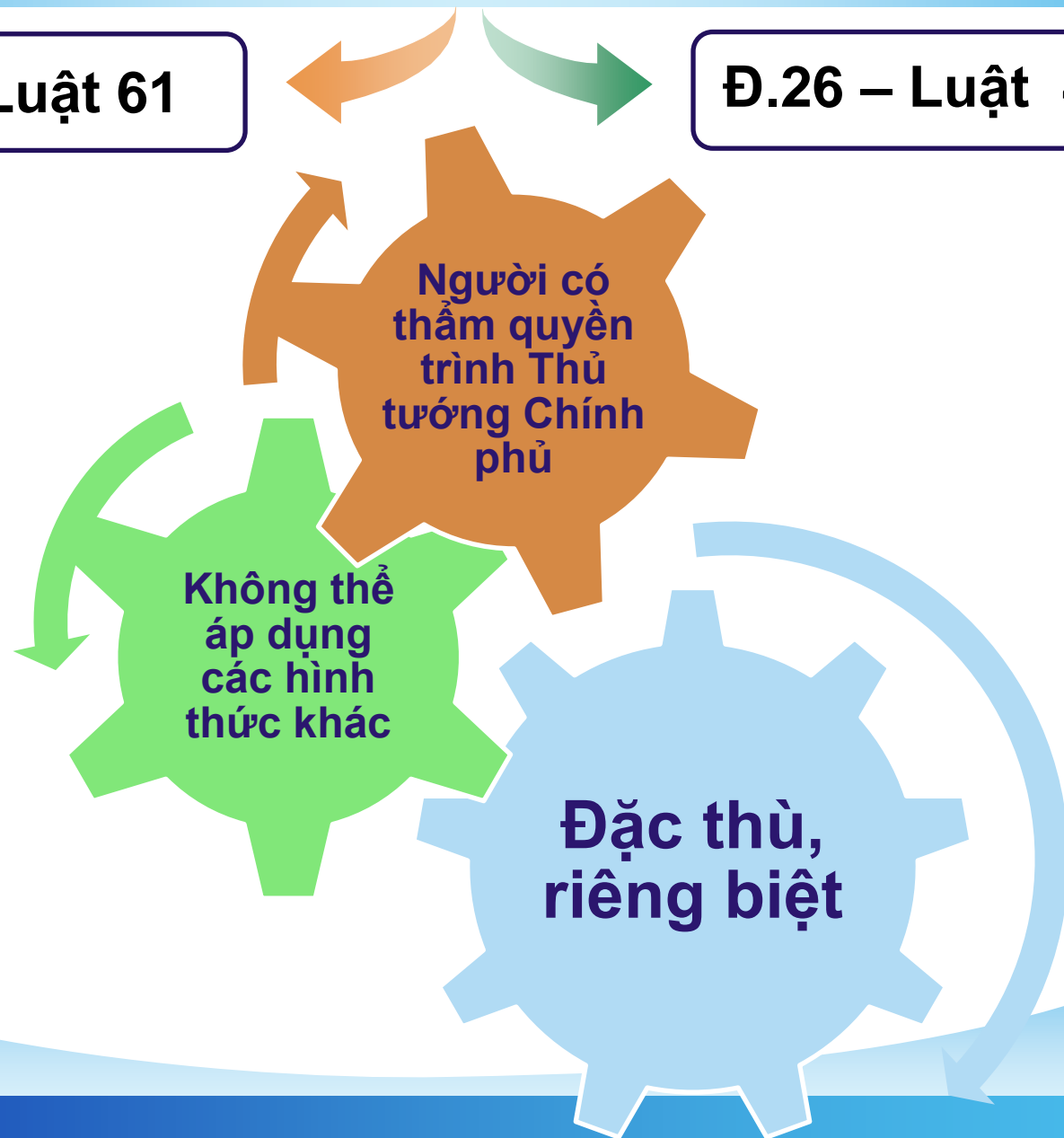
3. MSTT với NT khác

NT thực hiện HĐ trước đó
không tiếp tục

Lựa chọn NT, NĐT trong trường hợp đặc biệt

Đ.22 – Luật 61

Đ.26 – Luật 43



Tham gia thực hiện của cộng đồng

1. Chương trình mục tiêu QG, hỗ trợ xóa đói giảm nghèo

2. Quy mô nhỏ mà cộng đồng dân cư tại địa phương có thể đảm nhiệm.

PHƯƠNG THỨC ĐẦU THẦU

Đ.26 – Luật 61

1 Một túi hồ sơ

2 Hai túi hồ sơ

3 Hai giai đoạn

Đ.28 – Luật 43

1 Một giai đoạn một túi hồ sơ

2 Một giai đoạn hai túi hồ sơ

3 Hai giai đoạn một túi hồ sơ

4 Hai giai đoạn hai túi hồ sơ




Đ.32- Luật 43

Đại lý đấu
thầu

Đơn vị sự
nghiệp thực
hiện chức
năng đấu
thầu chuyên
nghiệp

TỔ CHỨC ĐẦU THẦU CHUYÊN NGHIỆP (NĐ mới)

Điều kiện

-  Có đăng ký thành lập, hoạt động
-  Có bộ máy quản lý đáp ứng yêu cầu
-  Nhân sự có đạo đức nghề nghiệp
-  Có quy trình quản lý và kiểm soát chất lượng công việc

CHƯƠNG III

KẾ HOẠCH VÀ QUY TRÌNH LỰA CHỌN NHÀ THẦU



Nguyên tắc lập KH LCNT

Đ.6 – Luật 61

Đ.33 – Luật 43



LẬP KẾ HOẠCH LCNT (Đ.34)

1. Căn cứ đối với DA:

a) QĐ phê duyệt

b) Nguồn vốn

c) Điều ước, thỏa thuận QT

d) Các văn bản pháp lý liên quan

2. Căn cứ đối với MSTX:

a) Tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị

b) QĐ mua sắm

c) Nguồn vốn, DTMS

d) Đề án MS (nếu có)

3. Được lập sau hoặc đồng thời hoặc trước khi có QĐ phê duyệt DA

NỘI DUNG KẾ HOẠCH LCNT

Đ.10 – NĐ 85

Đ.35 – Luật 43

1

TÊN GÓI THẦU

2

GIÁ GÓI THẦU

3

NGUỒN VỐN

4

HÌNH THỨC & PHƯƠNG THỨC

5

THỜI GIAN LỰA CHỌN NT

6

HÌNH THỨC HỢP ĐỒNG

7

THỜI GIAN THỰC HIỆN HĐ

1

TÊN GÓI THẦU

2

GIÁ GÓI THẦU

3

NGUỒN VỐN

4

HÌNH THỨC & PHƯƠNG THỨC

5

THỜI GIAN BẮT ĐẦU TỔ CHỨC

6

LOẠI HỢP ĐỒNG (Đ.62)

7

THỜI GIAN THỰC HIỆN HĐ

TRÌNH DUYỆT KHLCNT

Đ.11 – NĐ 85

Đ.24 – Luật 43

1. Trách
nhiệm
trình
duyet

2. Văn
bản
trình
duyet

3. Tài
liệu kèm
theo



Thẩm định và phê duyệt kế hoạch LCNT

Đ.12 – NĐ 85

Đ.37 – Luật 43

1. Thẩm định

Kiểm tra, đánh giá

Trình người có thẩm quyền

1. Thẩm định

Kiểm tra, đánh giá

Trình người có thẩm quyền

Trình người đứng đầu CĐT hoặc đv giao nhiệm vụ chuẩn bị DA

Thẩm định và phê duyệt kế hoạch LCNT

Đ.12 – NĐ 85

Đ.37 – Luật 43

2. Phê duyệt

NCTQ hoặc người được ủy quyền QĐĐT

Người đứng đầu CĐT hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị DA

Thủ tướng CP

2. Phê duyệt

Người có thẩm quyền

Người đứng đầu CĐT hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị DA

QUY TRÌNH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

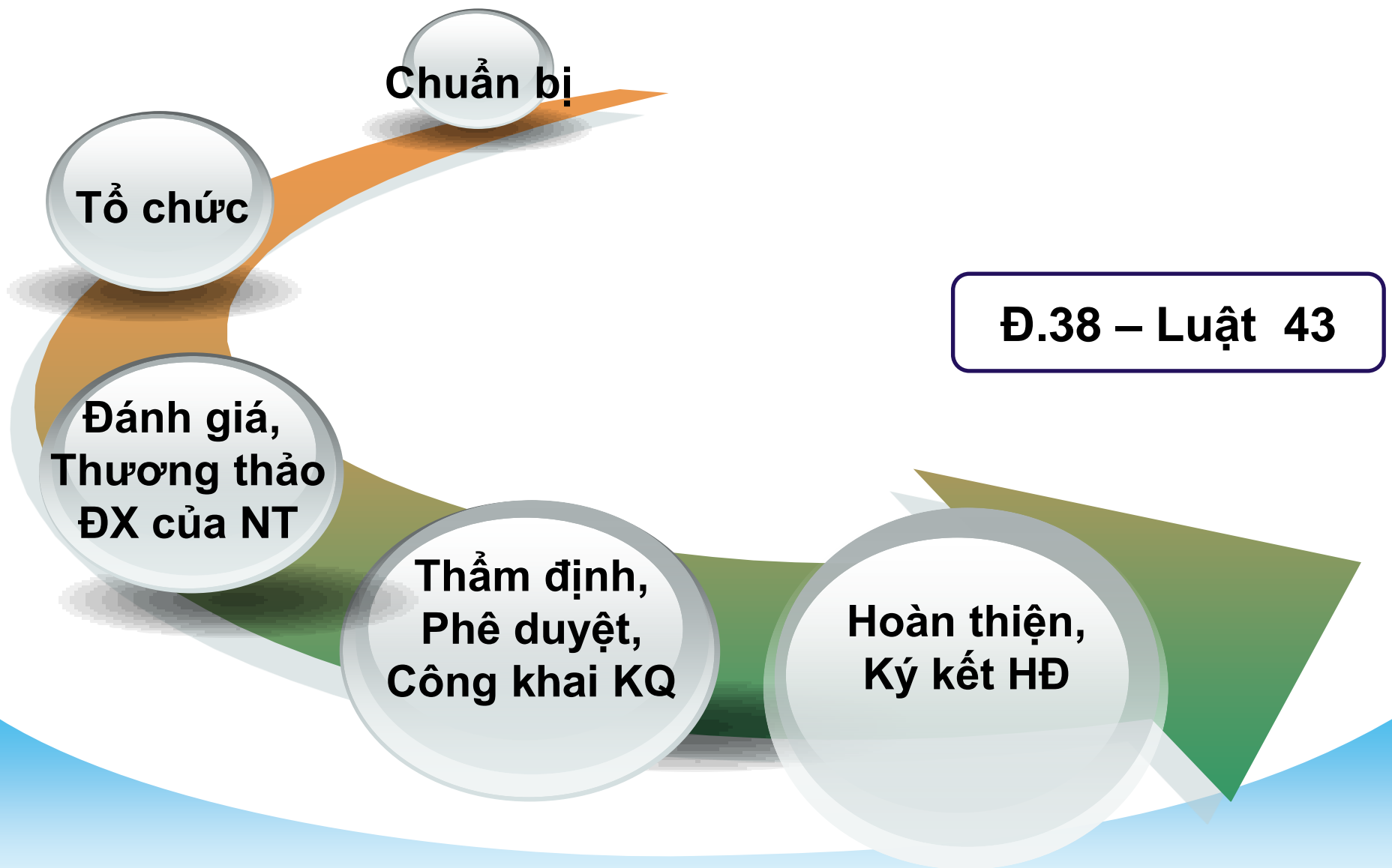
Nghị định 85



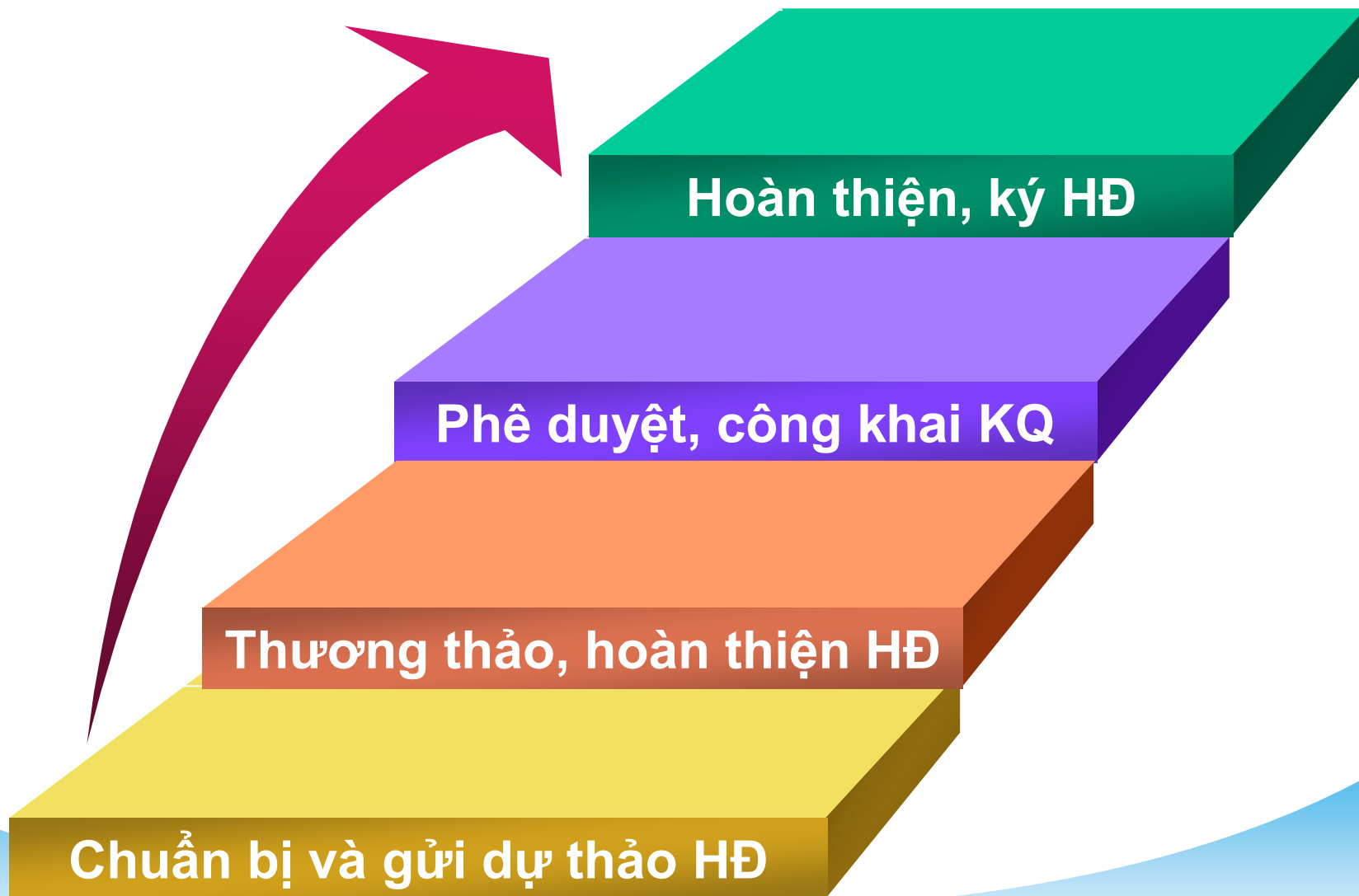
Đ.38 – Luật 43



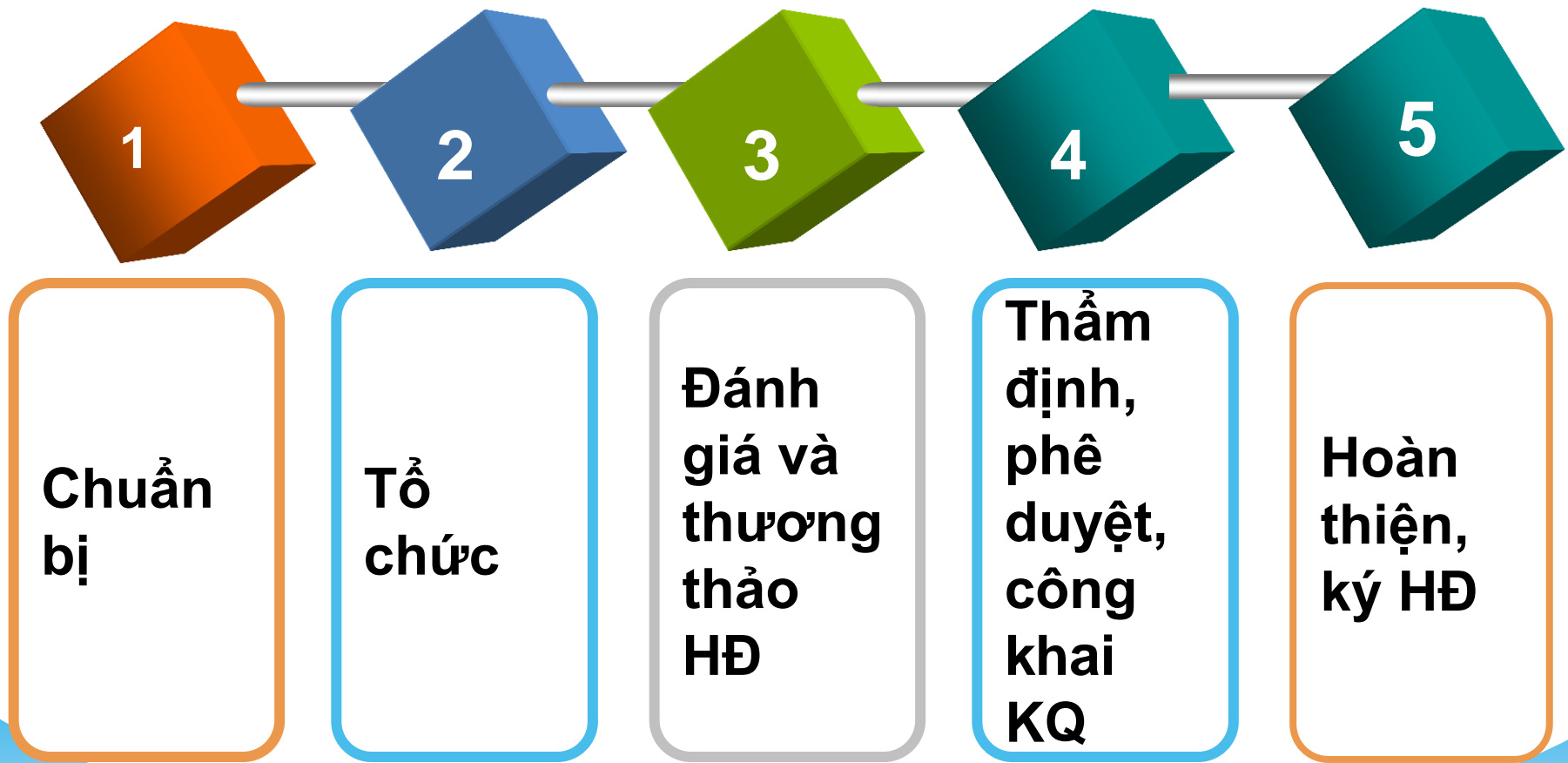
QUY TRÌNH CHỈ ĐỊNH THẦU THÔNG THƯỜNG



QUY TRÌNH CHỈ ĐỊNH THẦU RÚT GỌN (Đ.38)



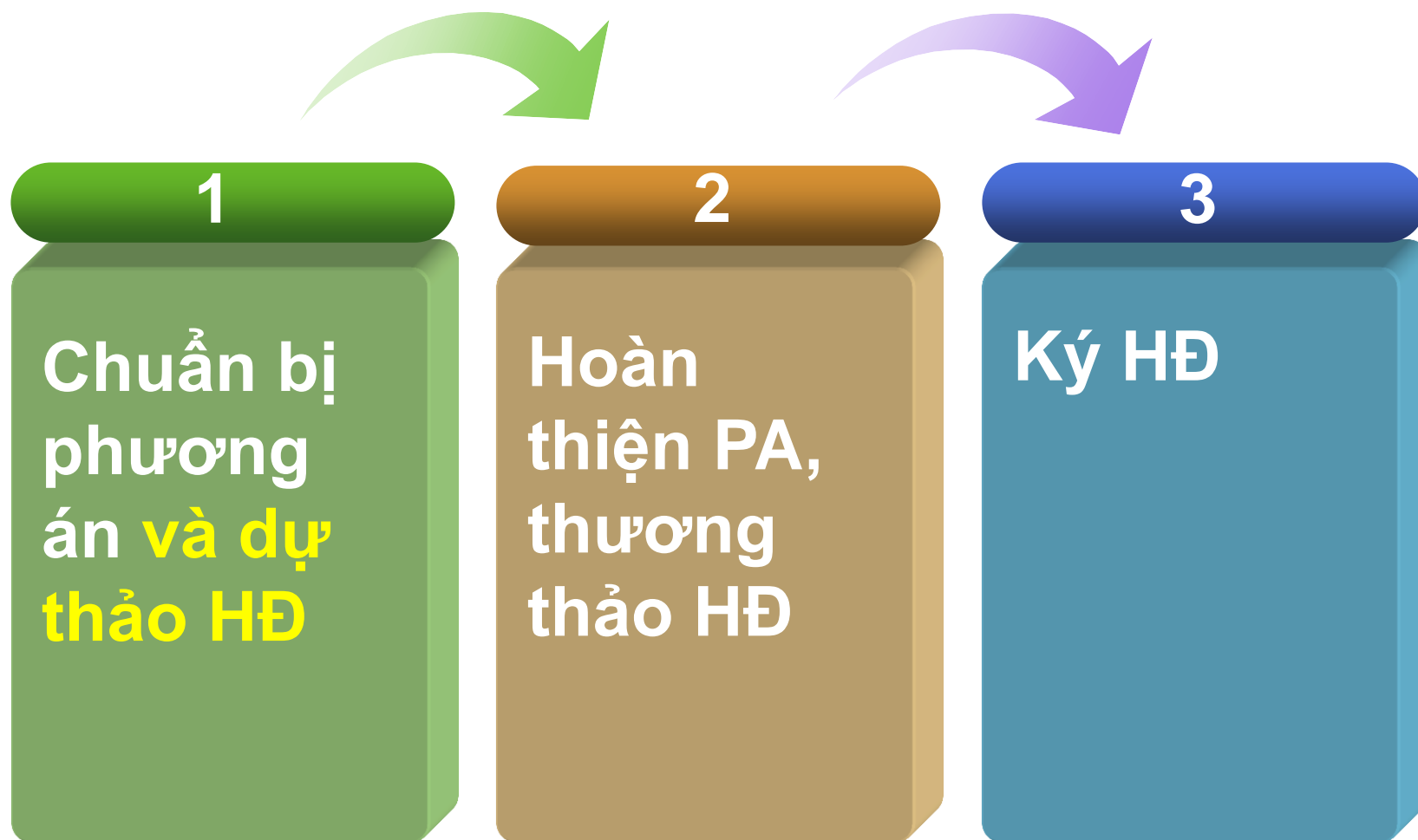
Quy trình chào hàng cạnh tranh thông thường (Đ.38)



Quy trình chào hàng cạnh tranh rút gọn (Đ.38)




Quy trình Tự thực hiện (Đ.38)



Quy trình lựa chọn nhà thầu TV cá nhân (Đ.38)



Chuẩn bị và gửi điều khoản tham chiếu




Nộp hồ sơ lý lịch khoa học



Đánh giá



Thương thảo hoàn thiện hợp đồng



Trình phê duyệt và công khai kết quả



Ký Hợp đồng



Sự tham gia của cộng đồng (Đ.38)

1

Chuẩn bị phương án

2

Tổ chức

3

Phê duyệt và công khai KQ

4

Hoàn thiện, ký HĐ

CHƯƠNG IV

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU, HỒ SƠ ĐỀ XUẤT; XÉT DUYỆT TRÚNG THẦU



Phương pháp đánh giá HSDT

Luật số 61 + Luật số 38

02 Phương pháp

Giá đánh giá

**Điểm tổng
hợp**

Luật số 43

05 Phương pháp

Giá đánh giá

Giá thấp nhất

Kết hợp kỹ thuật + giá

Giá cố định

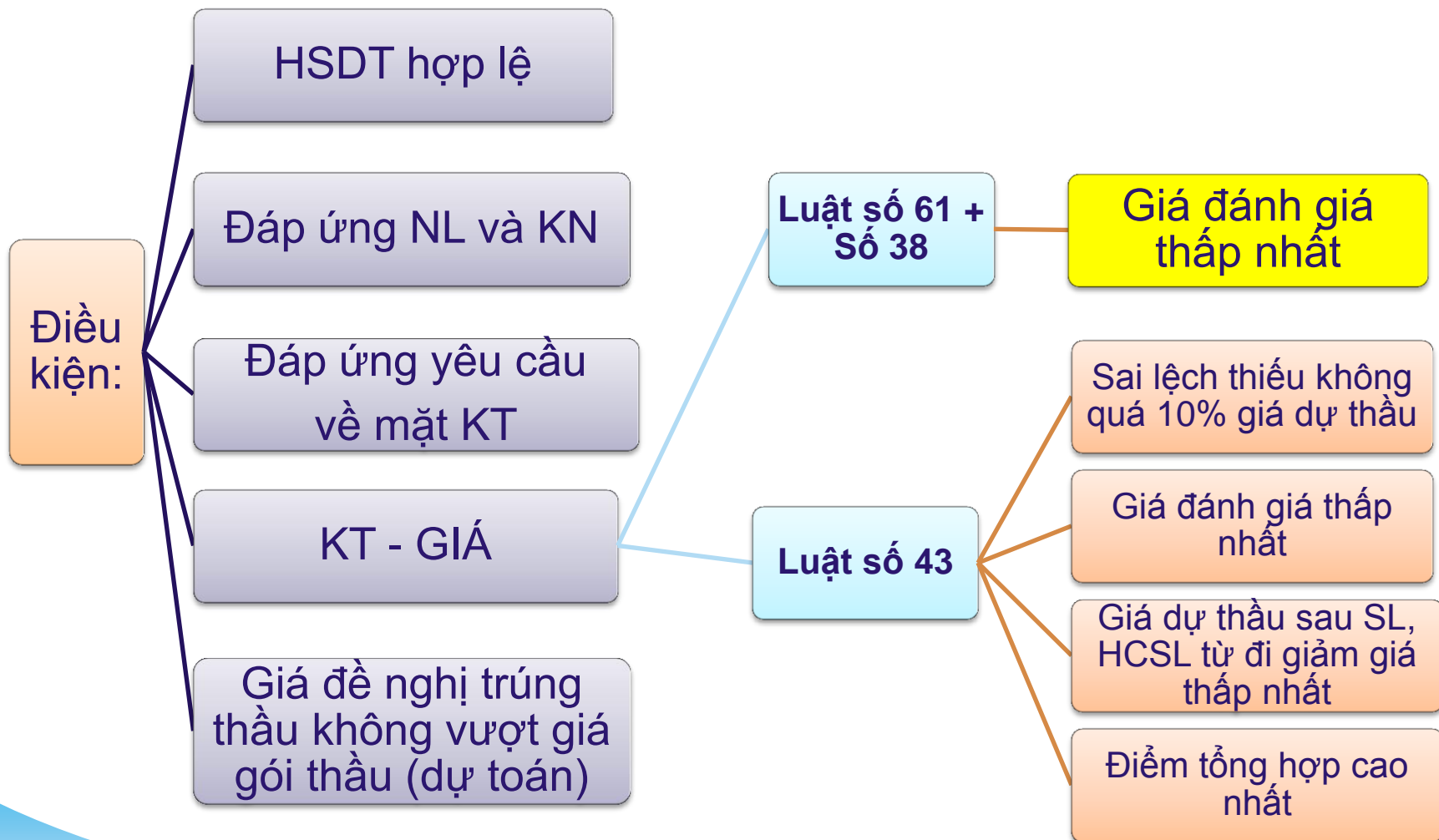
Dựa trên kỹ thuật

Phương pháp đánh giá HSDT XL, HH, DVPTV, Hỗn hợp

Đ. 39 - Luật số 43

03 Phương pháp	
- Giá đánh giá	Quy đổi về cùng một mặt bằng: vận hành, bảo dưỡng, lãi vay, tiến độ, chất lượng, uy tín của nhà thầu...
- Giá thấp nhất	Gói thầu đơn giản, quy mô nhỏ + gói thầu CHCT
- Kết hợp kỹ thuật + giá (tương tự hình thức QCBS)	<ul style="list-style-type: none">- CNTT, VT; XL, HH, hỗn hợp không áp dụng được PP giá thấp nhất, giá đánh giá;- Sử dụng PP chấm điểm (điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật ≥ 70 tổng điểm về kỹ thuật)

Xét duyệt trúng thầu XL, HH, DVPTV, Hỗn hợp



Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn (Đ.40)

1. TV là tổ chức

a) Phương pháp giá thấp nhất

b) Phương pháp giá cố định

c) Phương pháp kết hợp giữa KT và giá

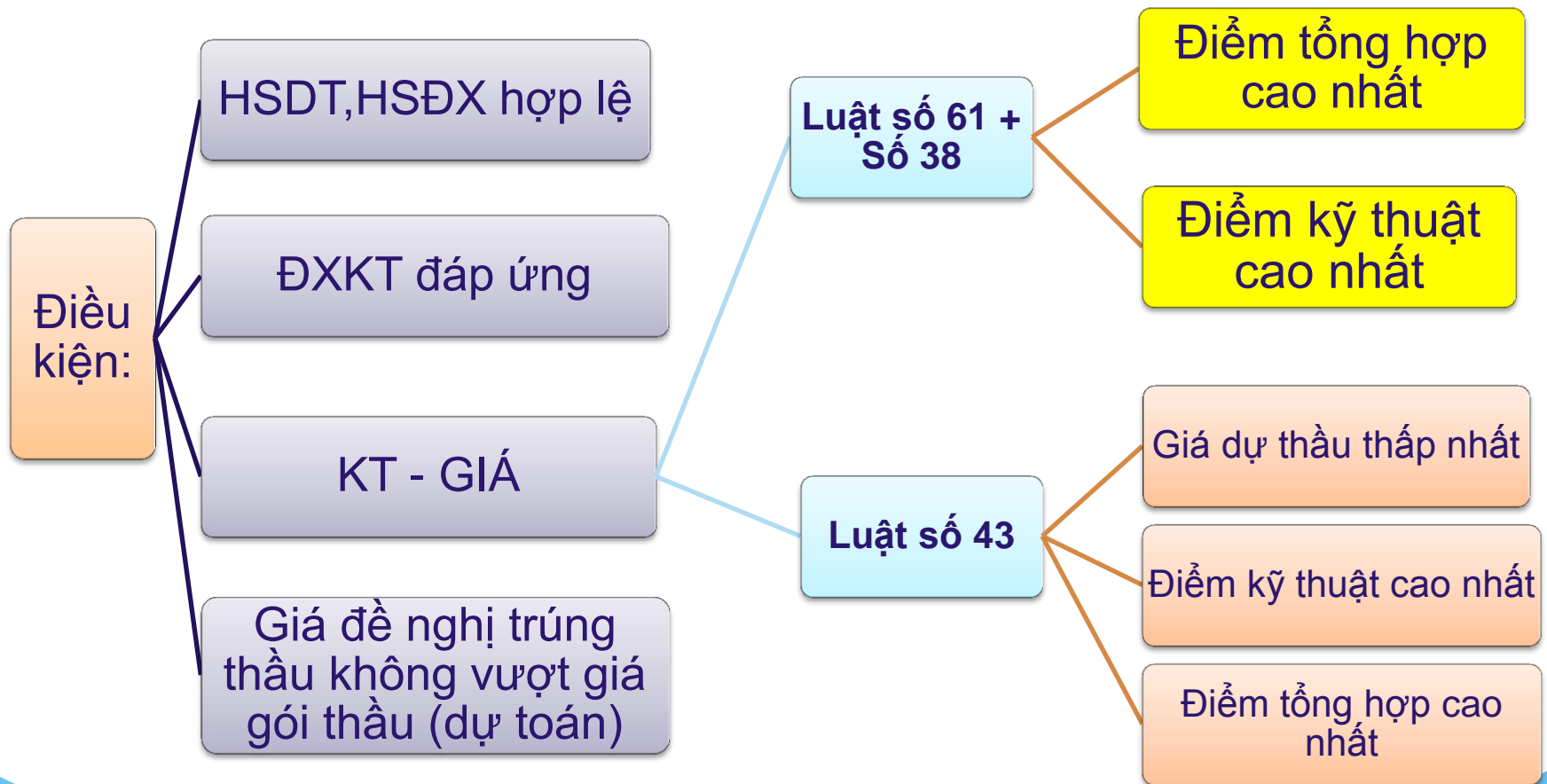
d) Phương pháp dựa trên KT

2. Sử dụng phương pháp chấm điểm. Yêu cầu tối thiểu $\geq 70\%$ tổng số điểm về KT (trừ điểm d khoản 1)

3. TV là cá nhân

hồ sơ lý lịch khoa học, ĐXKT (nếu có)

Xét duyệt trúng thầu gói thầu TV



Phương pháp đánh giá hồ sơ đề xuất (Đ.41)

Chào hàng cạnh tranh



Phương pháp giá thấp nhất

CHƯƠNG V

**MUA SẴM TẬP TRUNG, MUA SẴM THƯỜNG
XUYỀN, MUA THUỐC, VẬT TƯ Y TẾ; CUNG
CẤP SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG**

Quy định chung về mua sắm tập trung (Đ.44 - luật 43 +NĐ)

ĐTRR

Số lượng nhiều, chủng
loại tương tự của một
hoặc nhiều CQ

Được thực hiện theo
1 trong 2 cách

Thực hiện nhiệm vụ
được giao hoặc ký HĐ

Đơn vị mua sắm tập
trung trực tiếp ký HĐ với
NT

Ký thỏa thuận khung.
Đơn vị có nhu cầu MS
trực tiếp ký HĐ.

Nguyên tắc và trách nhiệm trong mua sắm tập trung

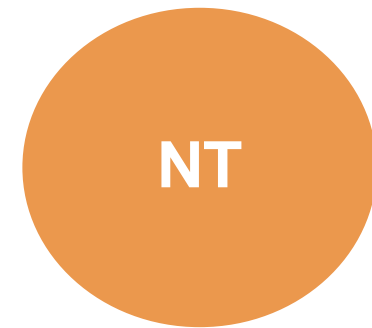
Nguyên tắc

- Phải thông qua đơn vị mua sắm tập trung là cơ quan thuộc chính phủ
- Thỏa thuận khung
- Áp dụng đấu thầu qua mạng

Trách nhiệm

- Người có thẩm quyền, đơn vị MSTT thực hiện trách nhiệm theo quy định, việc ký kết hoặc ủy quyền được thực hiện theo 2 cách
- Ký trực tiếp với nhà thầu
 - Ký văn bản thỏa thuận khung

Thỏa thuận khung (Đ.45 – Luật 43)



Thời hạn ≤ 03 năm



MUA SẮM THƯỜNG XUYÊN

Điều kiện áp dụng (Đ.46)

- Nguồn vốn MSTX
- Để duy trì hoạt động thường xuyên

Tổ chức LCNT (Đ.47)

- Theo quy định tại các điều 38, 39, 40, 41, 42 và 43
- Chính phủ quy định chi tiết Điều này

Nội dung mua sắm thường xuyên (NĐ mới)

- ❖ - Mua sắm trang thiết bị
- ❖ - Mua sắm vật tư
- ❖ - Mua sắm máy móc
- ❖ - Mua sắm trang phục
- ❖ - Mua sắm sản phẩm công nghệ thông tin
- ❖ - Mua sắm phương tiện vận chuyển
- ❖ - Văn phòng phẩm
- ❖ - Các dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, thuê trụ sở, đường truyền, dịch vụ cung cấp điện nước...
- ❖ - Dịch vụ tư vấn
- ❖ - Bản quyền sở hữu công nghiệp, trí tuệ
- ❖ - Các loại hàng hóa

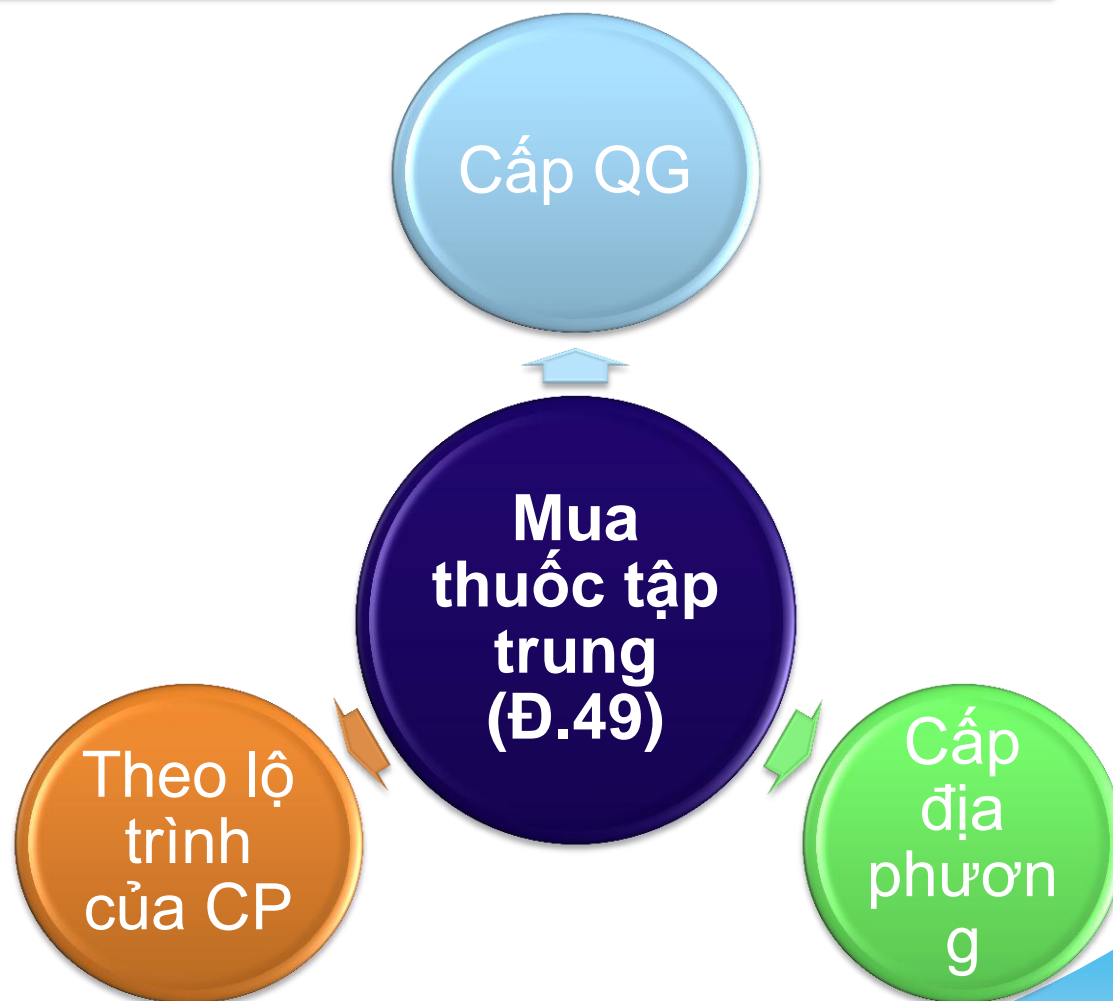
MUA THUỐC, VẬT TƯ Y TẾ

❖ Nguyên tắc chung

- ❖ - Thuốc trúng thầu có mức giá hợp lý
- ❖ - Bảo đảm cung cấp theo thỏa thuận
- ❖ - Bảo đảm yêu cầu về chất lượng
- ❖ - Phải thực hiện mua sắm tập trung đối với những loại thuốc trong nước chưa sản xuất được
- ❖ - Có thể áp dụng phương thức 1 giai đoạn 2 túi hồ sơ đối với gói thầu quy mô nhỏ nhưng mặt hàng cần lựa chọn trên cơ sở kết hợp giữa chất lượng và giá.

MUA THUỐC, VẬT TƯ Y TẾ

❖ Việc lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc được thực hiện tương tự như LCNT thông thường, ngoài ra còn được thực hiện theo **hình thức đàm phán giá** (1-2 nhà sx, biệt được gốc, hiếm, thời gian còn bản quyền, đặc thù).



Ưu đãi trong mua thuốc

Được thực hiện theo quy định tại Điều 14.

Thuốc sx trong nước được Bộ Y tế công bố đáp ứng yêu cầu điều trị, giá thuốc, khả năng cung ứng thì nhà thầu không được chào thuốc nhập khẩu.

Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước trong đấu thầu thuốc, vật tư y tế

Bộ Y tế ban hành danh mục

Thuốc đấu thầu

Thuốc đấu thầu tập trung

Thuốc áp dụng hình thức đàm phán giá

Các bộ, ngành có trách nhiệm tư vấn cho Bộ Y tế

- Nghiên cứu, đề xuất danh mục thuốc đấu thầu
- Tham gia tư vấn trong QTLCNT đối với mua thuốc tập trung
- Tham gia tư vấn trong QTLCNT đối với hình thức đàm phán giá

Thanh toán chi phí mua thuốc, vật tư y tế

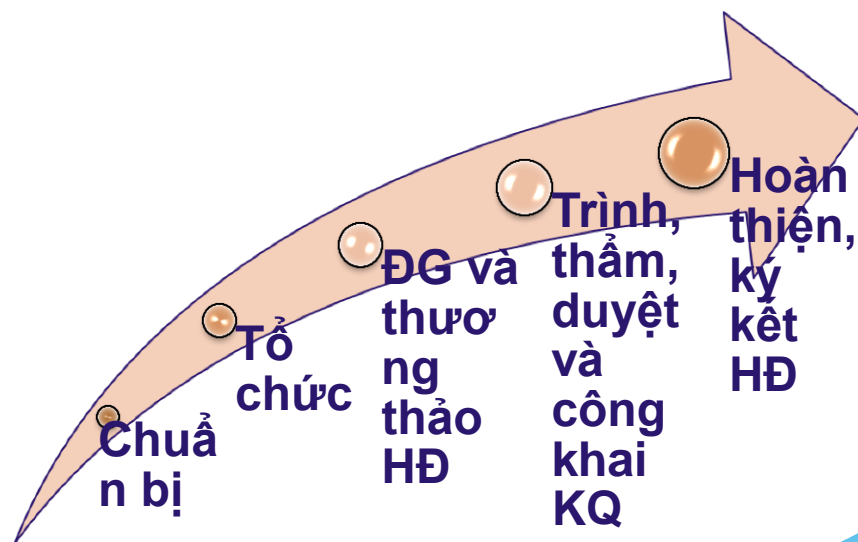
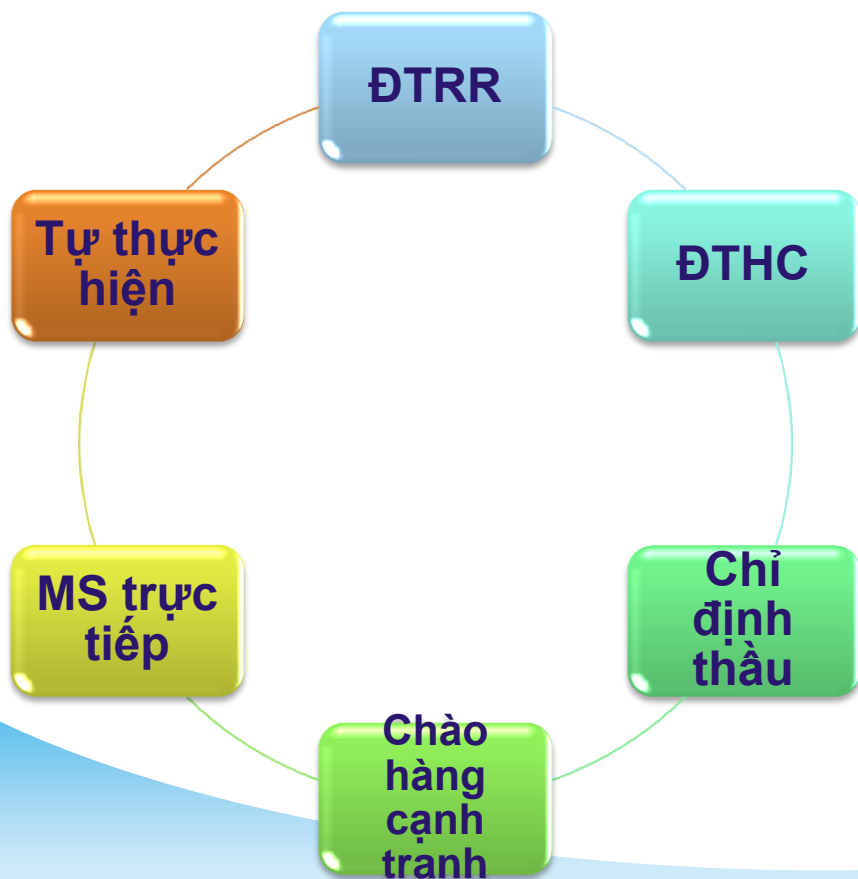
Lưu ý:

- ❖ Cơ sở y tế ngoài công lập **không áp dụng** Luật này thì chỉ thanh toán theo giá trúng thầu công lập (nguồn quỹ BHYT)

CUNG CẤP SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG

Hình thức lựa chọn nhà
thầu (Đ.53)

Quy trình lựa chọn nhà
thầu (Đ.54)



CHỈ ĐỊNH THẦU CUNG CẤP SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG

Trường hợp áp dụng

- Gói có giá gói thầu trong hạn mức chỉ định thầu
- Gói thầu chỉ có duy nhất 1 nhà cung cấp có khả năng thực hiện
- Đề tài, dự án nghiên cứu khoa học có kinh phí từ ngân sách

Điều kiện

Có đủ năng lực về vốn, trình độ kỹ thuật, công nghệ, đội ngũ lao động đáp ứng yêu cầu của hợp đồng

Căn cứ

- Quyết định phê duyệt KHLCNT
- Đơn giá gói thầu được xác định trên cơ sở các định mức do cơ quan có thẩm quyền ban hành
- Số lượng, khối lượng, chất lượng theo chỉ tiêu của người có thẩm quyền
- Thời gian triển khai và hoàn thành
- Dự toán

CHƯƠNG VI

LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ



Kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư (Đ.55)

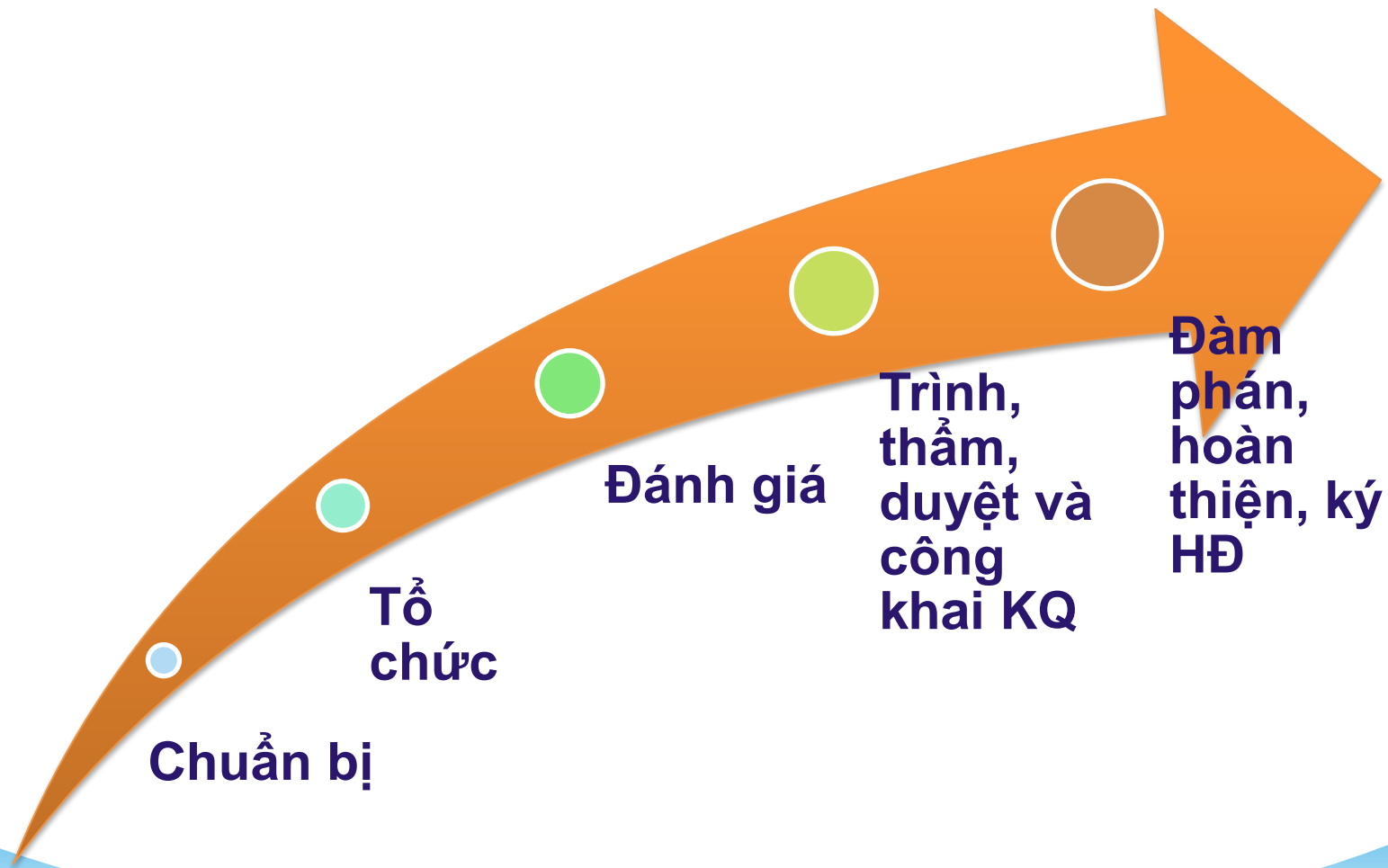
Căn cứ

- QĐ phê duyệt DA;
- Điều ước, thỏa thuận QT;
- Các văn bản có liên quan.

Nội dung

- Tên DA;
- Tổng mức đầu tư và tổng vốn;
- Vốn góp của NN;
- Hình thức và phương thức;
- Thời gian bắt đầu tổ chức;
- Loại HĐ;
- Thời gian thực hiện HĐ

Quy trình lựa chọn nhà đầu tư (Đ.56)



Trình, thẩm định, phê duyệt KH LCNĐT, HSMST, KQ sơ tuyển, HSMT, HSYC và KQ LCNĐT (Đ. 57)



Trình

Thẩm
định

Phê
duyet

Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu (Đ. 58)

Phương pháp

Giá DV

Vốn góp của NN

Lợi ích xã hội,
lợi ích NN

Kết hợp

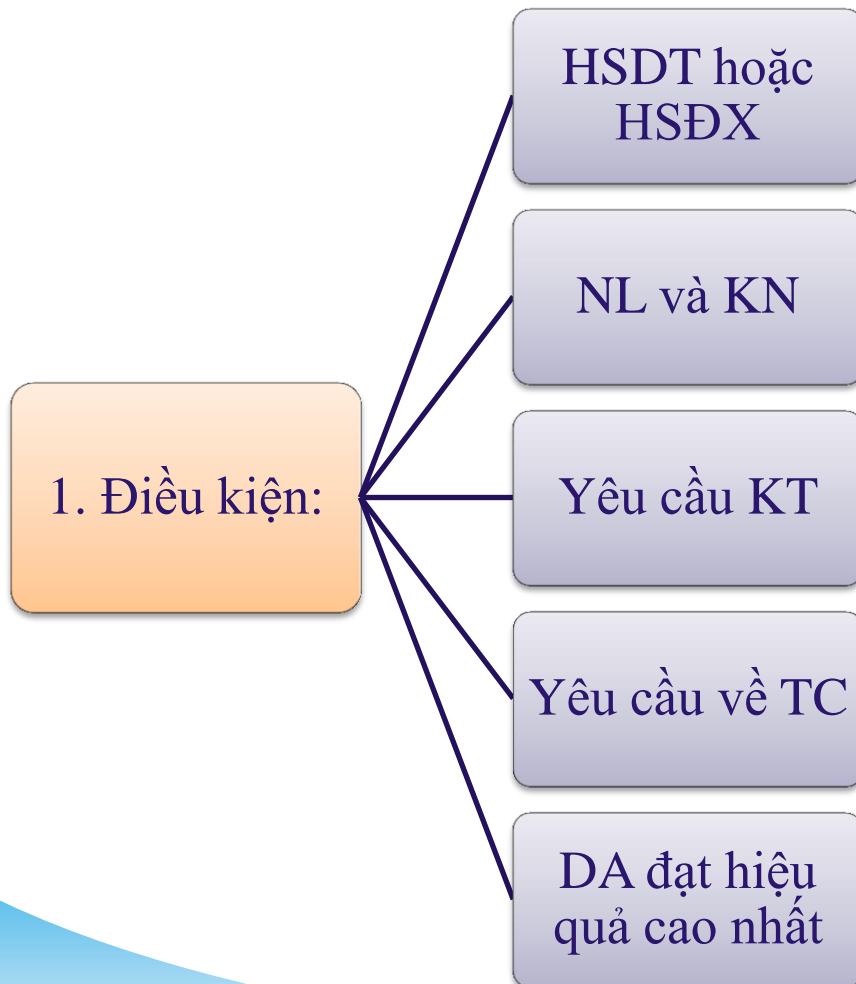
Tiêu chuẩn đánh giá

NL, KN

Kỹ thuật

Tài chính

Xét duyệt trúng thầu trong lựa chọn nhà đầu tư (Đ.59)



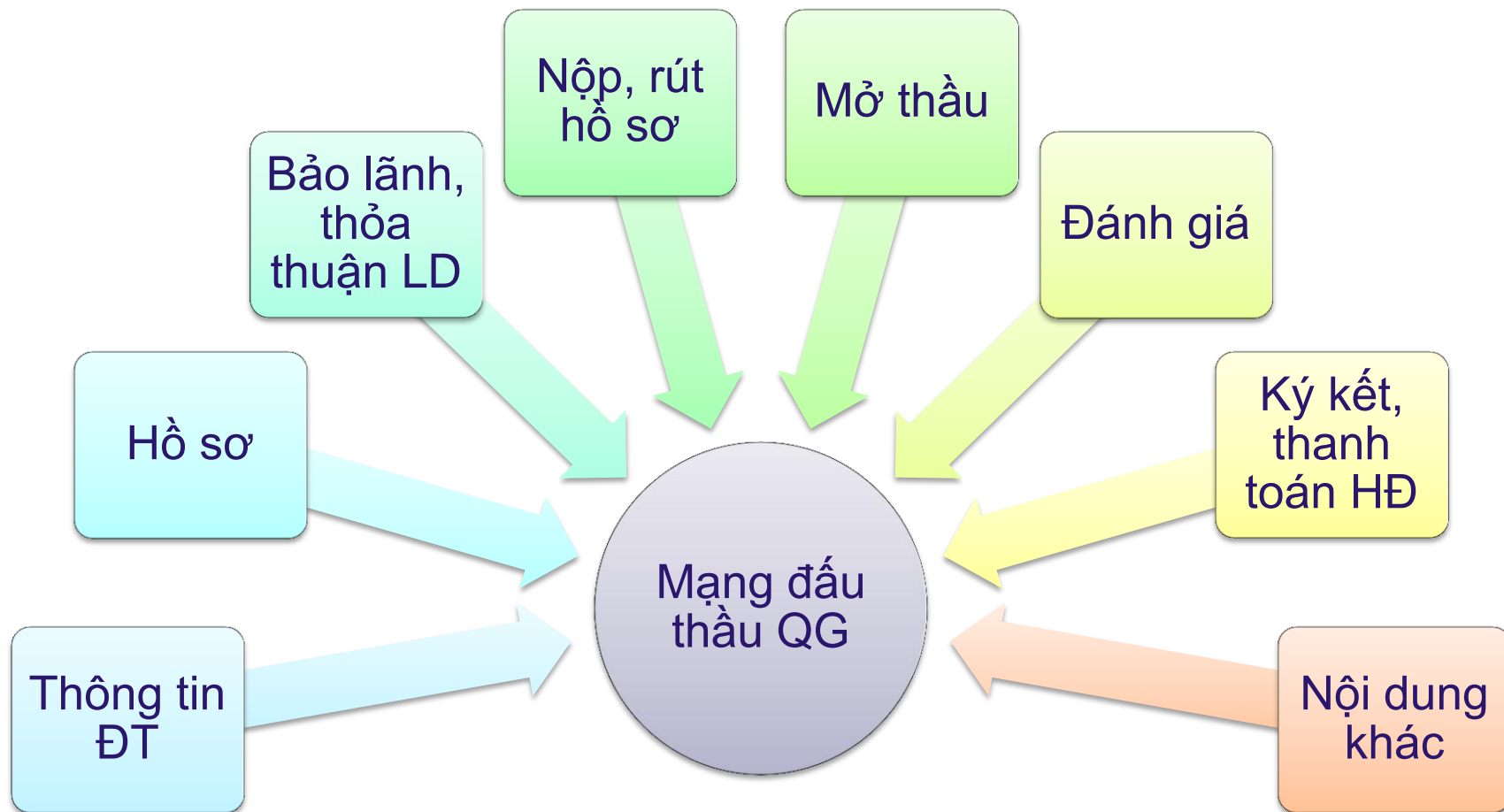
2. Thông báo kết quả LCNĐT phải nêu rõ lý do không trúng thầu.

CHƯƠNG VII

LỰA CHỌN NHÀ THẦU, NHÀ ĐẦU TƯ QUA MẠNG



Lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư qua mạng (Đ.60)



Lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư qua mạng (NĐ mới)

Phạm vi áp dụng

- Gói thầu DVTV, DVPTV
- MSHH, XL, hỗn hợp

Hình thức lựa chọn NT

- Đấu thầu rộng rãi
- Đấu thầu hạn chế
- Chào hàng CT
- Mua sắm trực tiếp
- Chỉ định thầu

Lộ trình áp dụng

Do Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định

Công khai

**Không thể
gửi hồ sơ
sau thời
điểm đóng
thầu**

**Yêu cầu đối
với hệ
thống mạng
đấu thầu
QG (Đ.61)**

**Nhận biết
được thời
gian thực khi
truy cập**

**Ghi lại
thông tin
và truy
xuất**

Nguyên tắc áp dụng đấu thầu qua mạng (NĐ mới)



Đăng ký 1 lần trên hệ thống MĐTQG



Phát hành miễn phí hồ sơ trên hệ thống MĐTQG



Nhà thầu chỉ nộp hồ sơ 1 lần trên hệ thống MĐTQG



BMT tiến hành mở thầu trên hệ thống MĐTQG ngay sau khi đóng thầu



Các văn bản điện tử có tính pháp lý như văn bản giấy

CHƯƠNG VIII

HỢP ĐỒNG



Hình thức hợp đồng

Luật số 61 + Luật số 38

04 Hình thức

Trộn gói

Thời gian

Đơn giá

Tỷ lệ %

Đ. 62 - Luật số 43

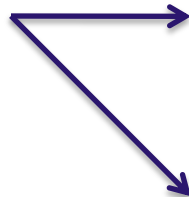
04 Hình thức

Trộn gói

Thời gian

**Đơn giá cố
định**

**Đơn giá điều
chỉnh**



Loại hợp đồng với nhà thầu (Đ. 62)

1. HĐ trọn gói

a) Có giá cố định. Thanh toán 1 lần hoặc nhiều lần. Tổng bằng giá ghi trong HĐ.

b) Giá gói thầu gồm cả chi phí rủi ro, dự phòng trượt giá. Giá dự thầu phải bao gồm tất cả các chi phí rủi ro và chi phí trượt giá có thể xảy ra;

c) Là loại HĐ cơ bản. Khi áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều này phải phù hợp hơn. Gói thầu DVTV, DVPTV đơn giản; gói thầu HH, XL, H² có quy mô nhỏ phải áp dụng HĐ trọn gói;

d) Khi thương thảo, hoàn thiện HĐ, các bên rà soát lại bảng khối lượng công việc theo thiết kế được duyệt; nếu chưa chính xác phải báo cáo chỉnh sửa, bổ sung.

e) CĐT, BMT, đơn vị MSTT, đơn vị có nhu cầu MSTT chịu trách nhiệm về tính chính xác của số lượng, khối lượng công việc. Trường hợp thuê TV, HĐ phải quy định rõ trách nhiệm.

Loại hợp đồng với nhà thầu (tiếp)

2. HĐ theo đơn giá cố định

- Có đơn giá không thay đổi, thanh toán theo số lượng, khối lượng công việc thực tế được nghiệm thu theo đơn giá cố định trong HĐ.

3. HĐ theo đơn giá điều chỉnh:

- Có đơn giá có thể được điều chỉnh, thanh toán theo số lượng, khối lượng công việc thực tế được nghiệm thu theo đơn giá cố định trong HĐ hoặc đơn giá điều chỉnh.

4. HĐ theo thời gian:

- Gói thầu DVTV. Giá HĐ được tính theo tháng, tuần, ngày, giờ và các khoản chi phí ngoài thù lao, thanh toán theo thời gian làm việc thực tế.

Hồ sơ hợp đồng (Đ. 63)

Mới

Chính

Căn cứ quy
mô

Văn bản HĐ

Biên bản hoàn thiện HĐ

Phụ lục HĐ

Văn bản thỏa thuận

QĐ phê duyệt KQ

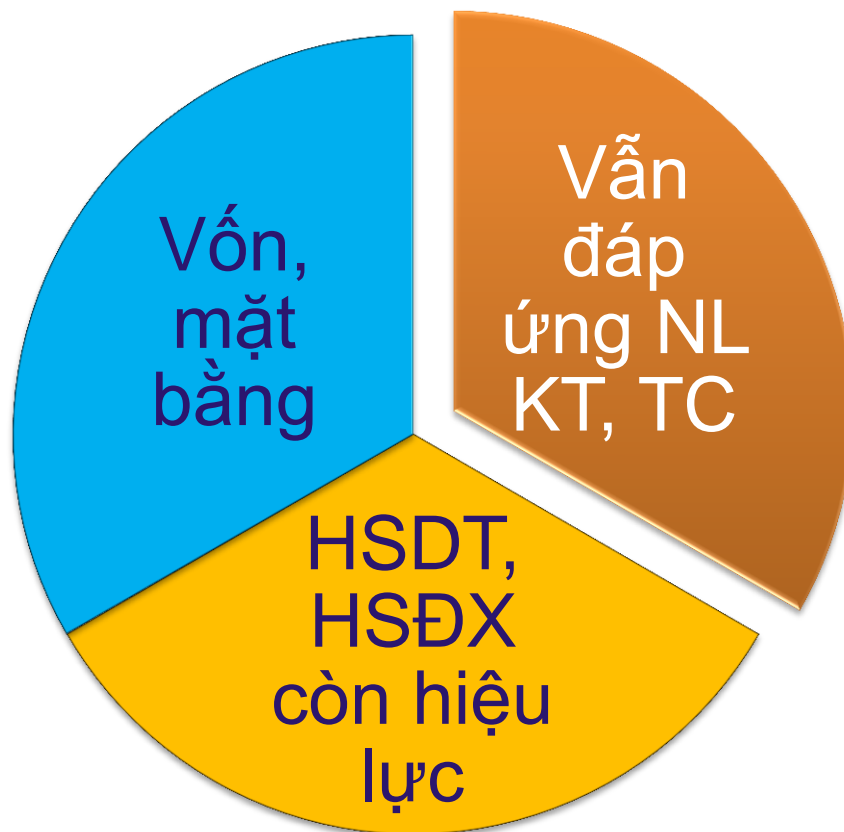
HSDT, HSĐX và các tài liệu
làm rõ

HSMT, HSYC và các tài liệu
sửa đổi

Các tài liệu có liên quan

**Khi có sự thay đổi nội dung thuộc
phạm vi của HĐ, phải ký kết phụ lục.**

Điều kiện ký kết hợp đồng (Đ.64)



Hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn (Đ.65)

Luật số 61 + Luật số 38

Luật số 43

Sau khi được lựa chọn (tất cả thành viên ký vào HĐ)

1 gói thầu có thể có nhiều HĐ, 1 HĐ có thể có nhiều loại HĐ

HĐ phải phù hợp với HSMT, HSYC, HSDT, HSDX

Giá HĐ không vượt giá trúng thầu

Chính phủ quy định nội dung HĐ liên quan đến đấu thầu

Bảo đảm thực hiện hợp đồng

	Luật số 61 + 38	Đ. 66 - Luật số 43
1. Áp dụng	NT được lựa chọn (trừ DVTV, tự thực hiện, tham gia cộng đồng)	
2. Hiệu lực	Trước khi HĐ có hiệu lực	
3. Giá trị	Từ 10% - 30% (Ngừa rủi ro)	2% - 10%
4. Hiệu lực	Kéo dài đến khi chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành	có hiệu lực đến hoàn thành HĐ
5. Không được hoàn trả	Từ chối thực hiện HĐ	- Từ chối thực hiện HĐ - Vi phạm thỏa thuận HĐ - Chậm tiến độ + từ chối gia hạn hiệu lực bảo đảm thực hiện HĐ

Nguyên tắc điều chỉnh hợp đồng (Đ.67)

1. Phải được quy định trong văn bản HĐ, văn bản thỏa thuận.

2. HĐ còn hiệu lực.

3. HĐ đơn giá cố định, điều chỉnh và thời gian.

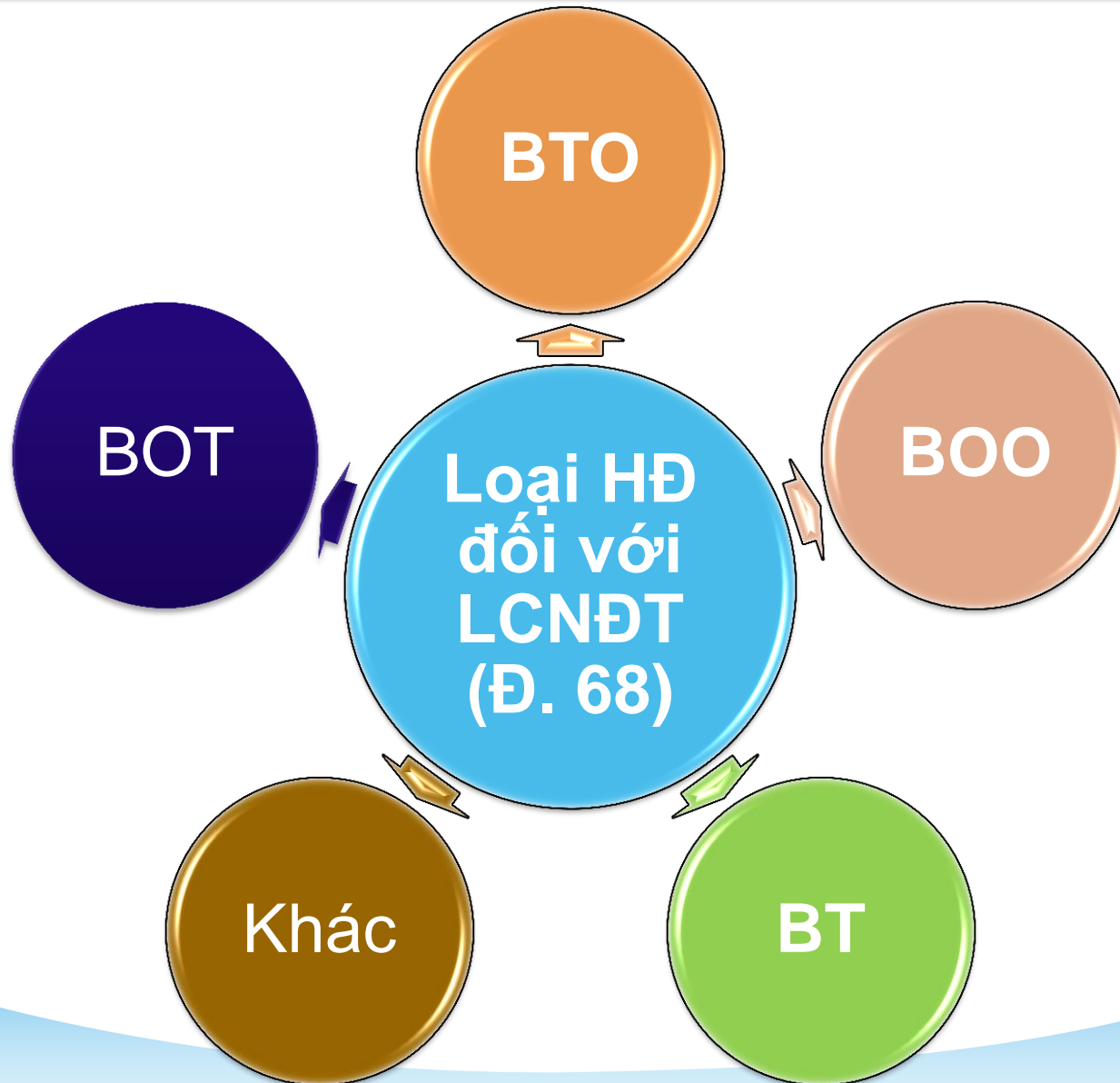
4. Không vượt giá gói thầu, DT được duyệt. DA, DTMS nhiều gói thầu thì tổng không được vượt TMĐT, DTMS.

5. Phát sinh yếu tố làm thay đổi đơn giá và KL đúng tiến độ (HĐ theo đơn giá điều chỉnh.

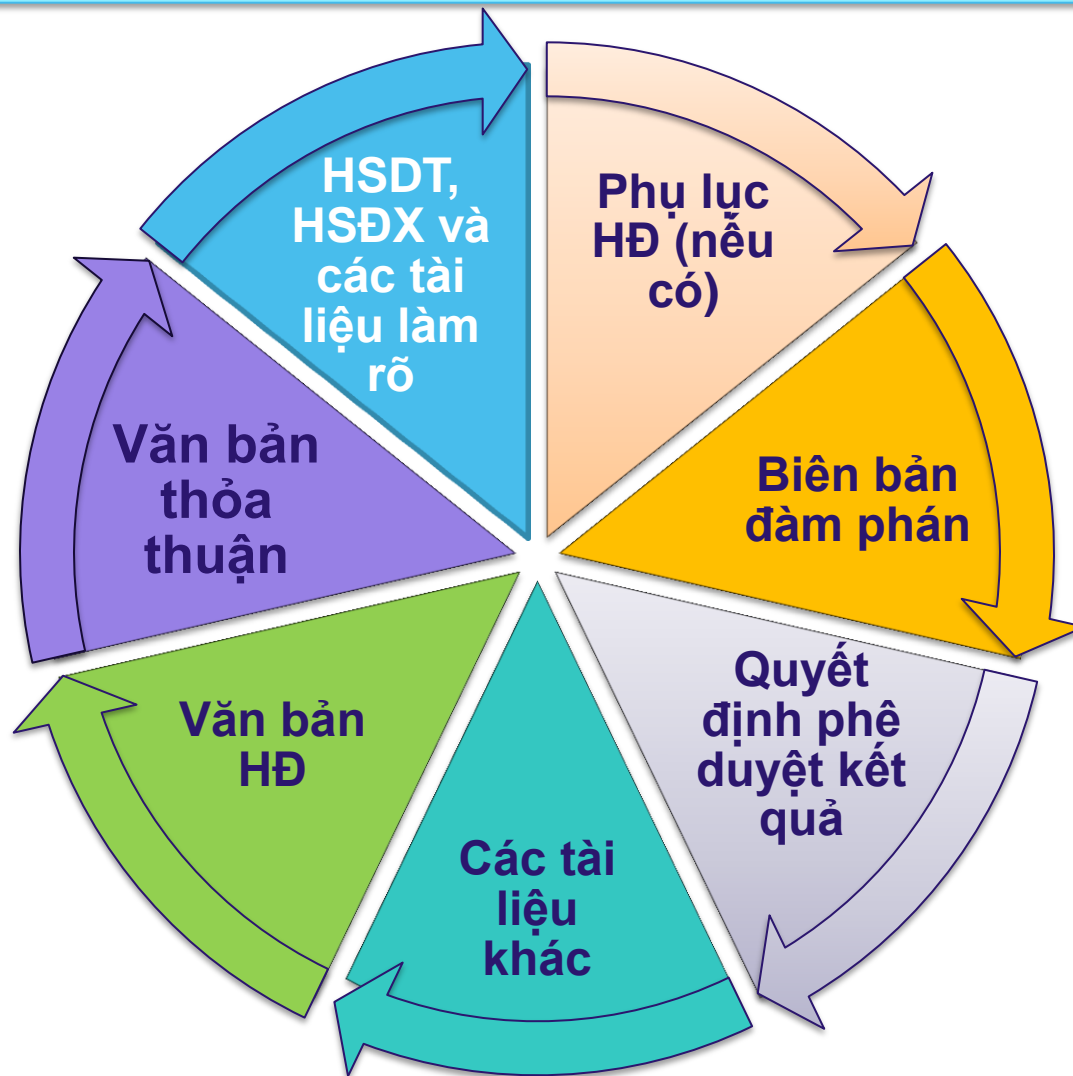
6. Tiến độ thực hiện hợp đồng: bất khả kháng, thay đổi phạm vi công việc, bàn giao mặt bằng.

7. Đảm bảo không chậm tiến độ hoàn thành. Báo cáo người có thẩm quyền nếu chậm.

HỢP ĐỒNG VỚI NHÀ ĐẦU TƯ



Hồ sơ hợp đồng với NĐT (Đ. 69)



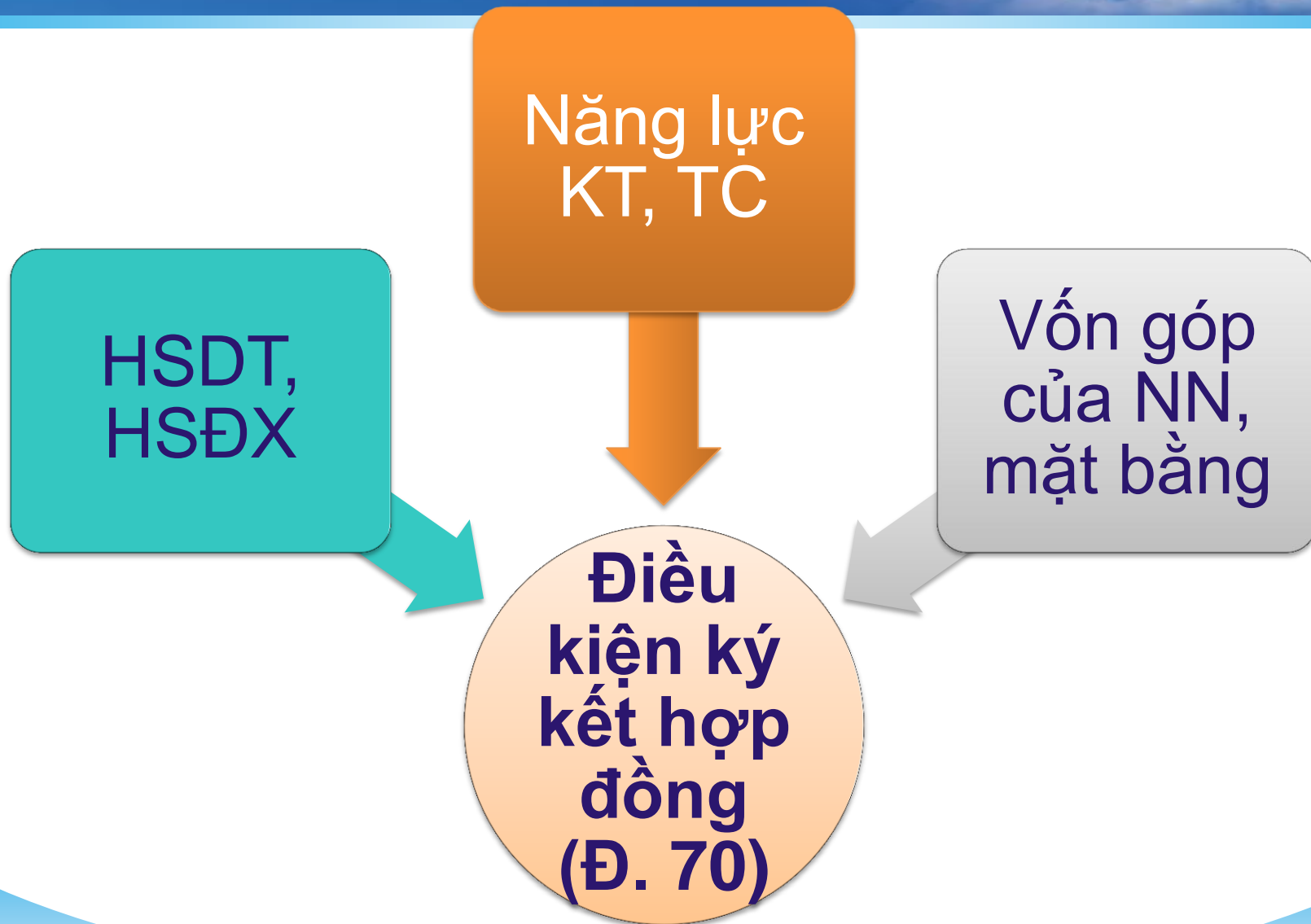
Khi có sự thay đổi nội dung thuộc phạm vi của hợp đồng, phải ký kết phụ lục.

Năng lực
KT, TC

HSDT,
HSDX

Vốn góp
của NN,
mặt bằng

Điều
kiện ký
kết hợp
đồng
(Đ. 70)



Sau khi
được lựa
chọn (tất cả
thành viên
ký vào HĐ)



Phù hợp
với HSMT,
HSYC,
HSDT,
HSDX



Hợp đồng
với NĐT
được lựa
chọn (Đ.
71)

Bảo đảm thực hiện hợp đồng (Đ. 72)

1. NĐT được lựa chọn, trước khi HĐ có hiệu lực

2. Từ 1% đến 3%

3. Hiệu lực: HĐ có hiệu lực đến hoàn thành nghĩa vụ HĐ

4. Không được hoàn trả

a) Từ chối khi HĐ có hiệu lực

b) Vi phạm thỏa thuận

c) Từ chối gia hạn hiệu lực

CHƯƠNG IX

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN TRONG LỰA CHỌN NHÀ THẦU, NHÀ ĐẦU TƯ



Trách nhiệm của Người có thẩm quyền

Luật số 61 + Luật số 38

Khoản 18 Điều 2 của Luật sửa đổi số 38

1. QĐ hình thức lựa chọn nhà thầu
2. Phê duyệt KHĐT
3. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu
4. Xử lý vi phạm về đấu thầu
5. Hủy, đình chỉ, không công nhận KQLCNT

Đ. 73 - Luật số 43

Điều 73: bổ sung thêm các trách nhiệm

- Bổ sung các trách nhiệm đối với lựa chọn nhà đầu tư
- Lựa chọn bên mời thầu đối với trường hợp lựa chọn nhà đầu tư, mua sắm thường xuyên
- Bồi thường thiệt hại và giả trình việc thực hiện
- Chi tiết các trách nhiệm xử lý vi phạm về đấu thầu

Trách nhiệm của người có thẩm quyền (Đ.73)

1. Phê duyệt KH
2. Giải quyết kiến nghị
3. Xử lý vi phạm
4. Hủy thầu
5. Đình chỉ cuộc thầu, không công nhận KQ
6. Kiểm tra, giám sát, theo dõi

7. Lựa chọn nhà thầu:
 - a) Điều chỉnh nhiệm vụ và thẩm quyền của CĐT;
 - b) Yêu cầu cung cấp tài liệu;
 - c) Ý kiến xử lý tình huống.

8. Lựa chọn nhà đầu tư
 - a) Quyết định BMT;
 - b) Phê duyệt hồ sơ, KQ;
 - c) Xử lý tình huống;
 - d) Ký và quản lý thực hiện HĐ;
 - đ) Hủy thầu;
 - e) Yêu cầu cung cấp tài liệu

9. Quyết định thành lập bên mời thầu
10. Bồi thường thiệt hại
11. Giải trình
12. Thực hiện trách nhiệm khác

Trách nhiệm của chủ đầu tư (Đ.74)

Chi tiết các trách nhiệm / trường hợp

1. Phê duyệt (LCNT)

- a) KH (trước khi có QĐ phê duyệt DA);
- b) HSMQT, HSMST, DS ngắn;
- c) HSMT, HSYC;
- d) DS xếp hạng;
- e) Kết quả.

2. Ký hoặc ủy quyền ký HĐ

3. QĐ thành lập BMT

4. Xử lý tình huống

5. Giải quyết kiến nghị

6. Bảo mật

7. Lưu trữ

8. Báo cáo công tác

9. Bồi thường thiệt hại

10. Hủy thầu

11. Trước pháp luật và người có thẩm quyền

12. Cung cấp thông tin

13. Tại Điều 75 (CĐT=BMT)

14. Trách nhiệm khác

Trách nhiệm của bên mời thầu (Đ.75)

1. Lựa chọn nhà thầu

- a) Chuẩn bị; tổ chức, đánh giá;
- b) QĐ thành lập TCG;
- c) Làm rõ;
- d) Trình duyệt KQ DSN, KQLC;
- đ) Thương thảo, hoàn thiện HĐ;
- e) Bồi thường thiệt hại;
- g) Bảo mật;
- h) Trung thực, khách quan, công bằng;
- i) Cung cấp các thông tin;
- k) Chịu trách nhiệm PL, CĐT.

2. Mua sắm thường xuyên (từ a-i khoản 1)

- a) Phê duyệt HSMT, HSYC;
- b) Phê duyệt KQ;
- c) Ký và quản lý HĐ;
- d) Xử lý tình huống;
- đ) Giải quyết kiến nghị;
- e) Hủy thầu;
- g) Trước pháp luật và người có thẩm quyền;
- h) Lưu trữ;
- i) Cung cấp các thông tin;
- k) Báo cáo công tác.

Trách nhiệm của bên mời thầu (tiếp)

3. Lựa chọn NĐT

a) Chuẩn bị; tổ chức; đánh giá

b) QĐ thành lập TCG

c) Làm rõ

d) Trình duyệt hồ sơ, kết quả

đ) Đàm phán hợp đồng

e) Bồi thường thiệt hại

g) Bảo mật

h) Lưu trữ

i) Giải quyết kiến nghị

k) Trung thực, khách quan, công bằng

l) Cung cấp thông tin

Trách nhiệm của tổ chuyên gia

1. Trung thực, khách quan, công bằng
2. Đánh giá theo đúng yêu cầu
3. Báo cáo BMT về KQ
4. Bảo mật
5. Bảo lưu ý kiến
6. Bồi thường thiệt hại
7. Cung cấp thông tin
8. Thực hiện các trách nhiệm khác

Trách nhiệm của NT, NĐT

1. Yêu cầu bên mời thầu làm rõ
2. Thực hiện các cam kết
3. Kiến nghị, khiếu nại, tố cáo
4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về đấu thầu
5. Bảo đảm trung thực, chính xác
6. Bồi thường thiệt hại
7. Cung cấp thông tin
8. Thực hiện các trách nhiệm khác



Ngoài các trách nhiệm quy định tại Điều 75.

1. Cơ sở hạ tầng CNTT đáp ứng yêu cầu.

2. Quản lý và không tiết lộ khoá bí mật.

3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của các thông tin.

4. Kiểm tra và xác nhận việc đăng tải.

5. Tuân thủ quy định.

Trách nhiệm của BMT tham gia hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

Ngoài các trách nhiệm quy định tại Điều 77

1. Cơ sở hạ tầng CNTT đáp ứng yêu cầu.

2. Quản lý và không tiết lộ khoá bí mật.

3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của các thông tin.

4. Chịu trách nhiệm về KQ

5. Tuân thủ quy định

Trách nhiệm của NT, NĐT tham gia hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

CHƯƠNG X

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG ĐẦU THẦU



Nội dung quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu

Luật số 61 + Luật số 38

Luật số 43

- Ban hành, phổ biến, hướng dẫn tổ chức thực hiện VBQPPL chính sách về ĐT

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác ĐT

- Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động ĐT

- Quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng về ĐT

- Tổng kết, đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu

- Quản lý hệ thống thông tin về đấu thầu + cơ sở dữ liệu về đấu thầu trên phạm vi cả nước

- Theo dõi, thanh tra, kiểm tra ... về lĩnh vực đấu thầu

- Hợp tác quốc tế về đấu thầu

Trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (Đ.82)

1. Chính phủ thống nhất QLNN về ĐT trên phạm vi cả nước.

2. Thủ tướng Chính phủ

a) Quy định tại Điều 73

b) Phê duyệt phương án (trường hợp đặc biệt);

Chỉ đạo công tác thanh tra, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm;

d) Thực hiện trách nhiệm khác .

Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Đ.83)

1. Theo quy định tại Điều 81

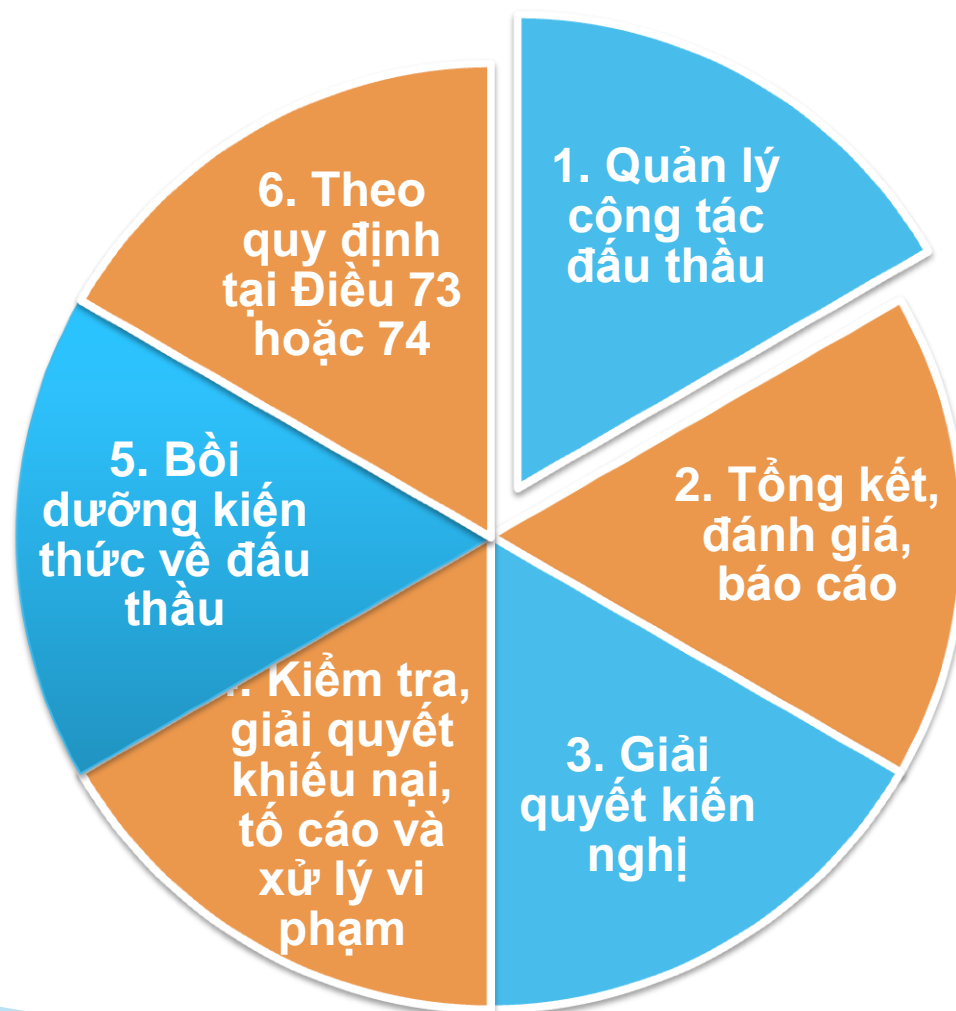
2. Ngoài ra

a) Thẩm định KHLC NT, NĐT

b) Quản lý hệ thống mạng ĐTQG và Bảo đầu thầu

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác

Trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các cấp (Đ.84)



Trách nhiệm của tổ chức vận hành hệ thống mạng đầu thâu quốc gia (Đ. 85)



Xử lý tình huống (Đ. 86 +NĐ mới)

Phát sinh trong ĐT chưa được quy định cụ thể, rõ ràng trong Luật. Bảo đảm nguyên tắc:

Cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế

Căn cứ vào quá trình ĐT (KHĐT, HSMT...)

Thẩm quyền xử lý

CĐT hoặc người có thẩm quyền (DA)

BMT (DA)

Người có thẩm quyền (NĐT)

Bổ sung quy định về xử lý tình huống trong mua sắm thương xuyên, lựa chọn nhà đầu tư**Ngoài các tình huống tại điều 117 luật này, CĐT xem xét quyết định.**

Thanh tra, kiểm tra và giám sát hoạt động đầu thầu (Đ.87+ NĐ mới)

1. Thanh tra

Liên quan đến ĐT theo quy định của Luật.

Là thanh tra chuyên ngành

2. Kiểm tra

Ban hành văn lập và phê duyệt KH, tổ chức, ký HĐ

1. Phương thức:

- Kiểm tra trực tiếp
- Yêu cầu báo cáo

2. Thường xuyên hoặc đột xuất

3. Giám sát

Công việc thường xuyên của người có thẩm quyền

Giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu (NĐ)

Nội dung

- Chuẩn bị LCNT
- Tổ chức LCNT
- Đánh giá HSDT, HSDX
- Thẩm định và phê duyệt
- Hoàn thiện và ký kết HĐ

Phương thức

- Thông báo bằng văn bản tới CĐT, BMT
- BMT có trách nhiệm công khai thông tin cho các nhà thầu mua HS
- BMT có trách nhiệm cung cấp thông tin cho đơn vị giám sát
- Báo cáo kịp thời để xử lý vi phạm.

Trách nhiệm

- Trung thực, khách quan
- Yêu cầu CĐT, BMT cung cấp tài liệu phục vụ quá trình giám sát
- Tiếp nhận thông tin của cá nhân liên quan đến QTLCNT
- Bảo mật thông tin

CHƯƠNG XI

HÀNH VI BỊ CẤM VÀ XỬ LÝ VI PHẠM VỀ ĐẦU THẦU



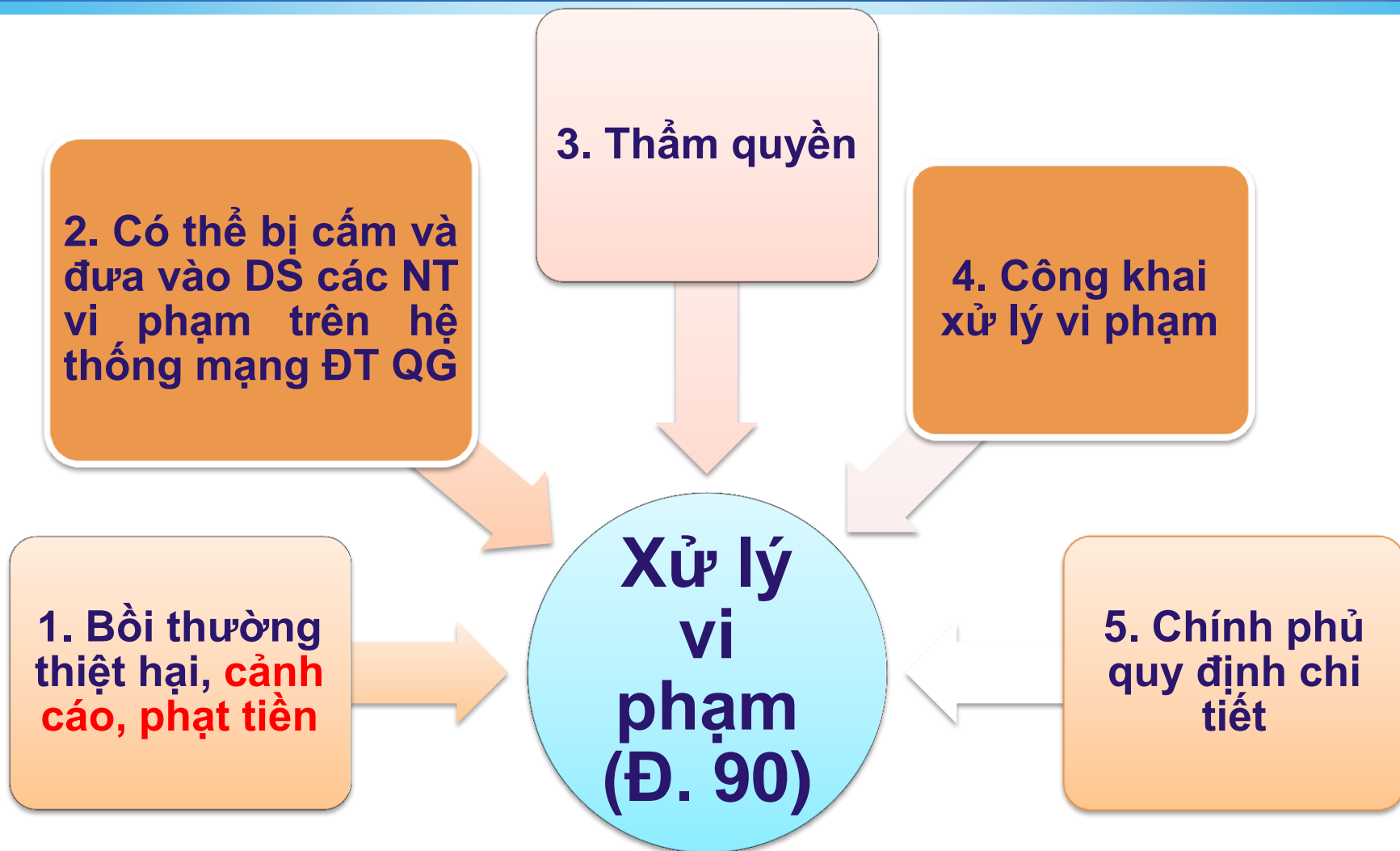


Định nghĩa
Chi tiết các
hành vi

**Khiếu nại, tố
cáo (Đ.88)**



**Pháp luật về
khiếu nại, tố
cáo**



Hình thức cấm tham gia quá trình LCNT (NĐ mới)

Cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 03 đến 05 năm đối với một trong các hành vi vi phạm các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 89 của Luật đấu thầu

Cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 01 đến 03 năm đối với một trong các hành vi vi phạm các khoản 8 và 9 Điều 89 của Luật đấu thầu

Cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 6 tháng đến 01 năm đối với một trong các hành vi vi phạm các khoản 6 và 7 Điều 89 của Luật đấu thầu

CHƯƠNG XII

GIẢI QUYẾT KIẾN NGHỊ VÀ TRANH CHẤP TRONG ĐẦU THẦU



Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu (Đ.91)

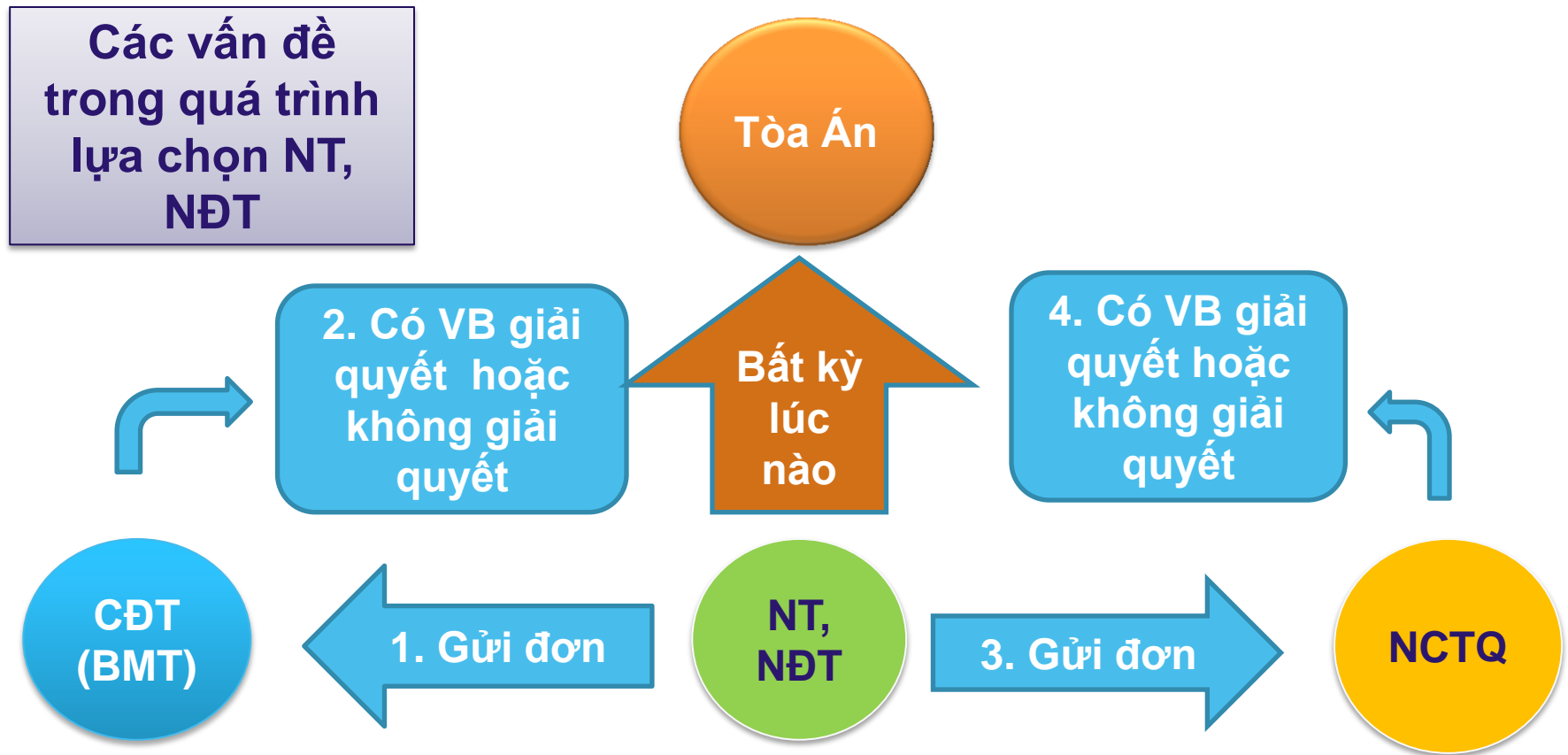
1. Quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng

- Kiến nghị BMT, CĐT, người có thẩm quyền
- Khởi kiện ngay ra Tòa án

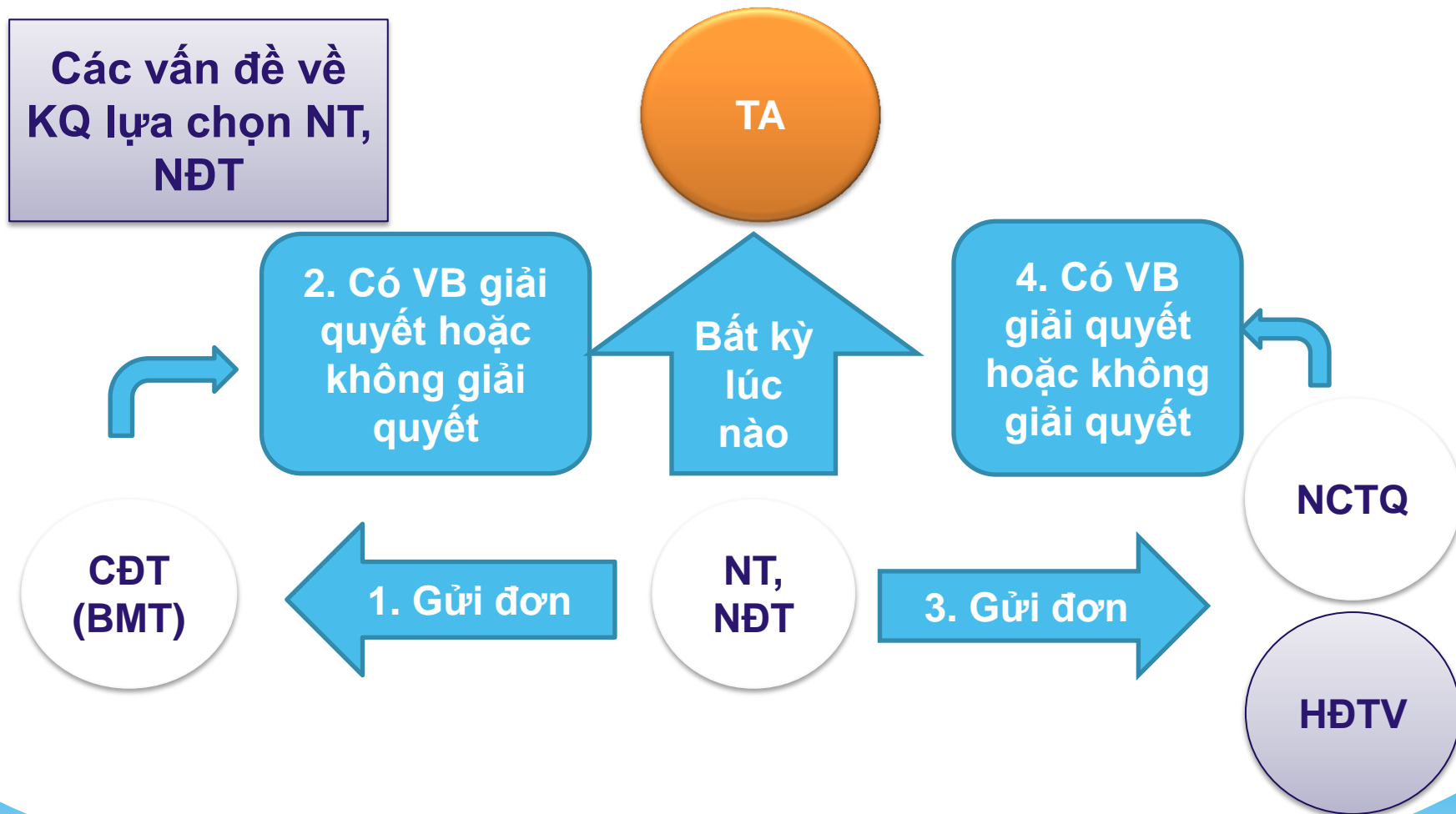
2. Khởi kiện ra tòa

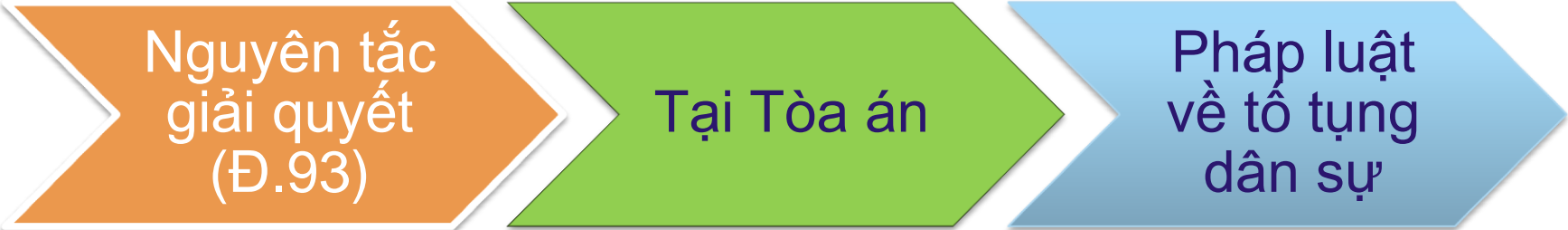
- Không gửi đến BMT, CĐT, người có thẩm quyền
- Giải quyết kiến nghị được chấm dứt ngay (đang trong quá trình)

Quy trình giải quyết kiến nghị (Đ. 92)



Quy trình giải quyết kiến nghị (Đ. 92)





```
graph LR; A[Nguyên tắc giải quyết (Đ.93)] --> B[Tại Tòa án]; B --> C[Pháp luật về tố tụng dân sự];
```

Nguyên tắc
giải quyết
(Đ.93)

Tại Tòa án

Pháp luật
về tố tụng
dân sự

Thank You !

TRUNG TÂM HỖ TRỢ ĐẦU THẦU

